



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3308** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **16** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 13729/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 450/TTr-LĐTBXH ngày 11 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn phường Quang Vinh và Trảng Dài của thành phố Biên Hòa gồm 2.558 đối tượng là người lao động tự do với chi phí hỗ trợ là 3.837.000.000 đồng (ba tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. */sđtk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ĐẠI DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 14)

(Kèm theo Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 16 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

(ĐVT đồng)

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
-----	-----------	----------	------	---------	-----------	-------------------	--------------------	-------------------	----------------	--------------------------

1. *Phường Trảng Dài*

1	Trần Thị Hoa	7/6/1962	186207508	TỔ 57, KP4B	Gom phế liệu	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
2	Hoàng Văn Thề	19/8/1972	272122399	TỔ 12, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Chợ Dầu Mới Hóc Môn, Tp.Hcm	01/7/2021	0	1.500.000	
3	Nguyễn Văn Đố	06/6/1966	272885410	TỔ 54, KP4B	Bán rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
4	Lê Thị Nguyệt	3/9/1968	171326481	TỔ 54, KP4B	Bán rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
5	Nguyễn Thị Hiền	1/12/1978	2760221978	TỔ 6, KP4B	Bán rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
6	Lê Thị Hưng	21/11/1975	272697051	TỔ 37, KP4B	Bán nem	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
7	Nguyễn Văn Công	21/9/1969	272417635	TỔ 37, KP4B	Bán nem	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
8	Nguyễn Hữu Du	20/9/1990	30090000526	TỔ 41, KP4B	Bốc vác hàng hóa	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
9	Nguyễn Văn Hải	26/7/1992	276056653	TỔ 12, KP4B	Bán rau chợ	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
10	Tăng Ngọc Lệ	8/3/1965	270641547	TỔ 19, KP4B	Nhân viên tạp vụ	Golden Palace Bh, Dn	01/7/2021	0	1.500.000	
11	Nguyễn Thị Nga	18/1/1982	272807984	TỔ 5, KP4B	Bán cơm	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
12	Lưu Trọng Cường	16/5/1980	272610065	TỔ 28, KP4B	Chủ quán ăn	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
13	Trần Quốc Hiếu	13/2/1995	272474102	TỔ 37, KP4B	Giao hàng thức ăn	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	7/7/1988	276050338	TỔ 55, KP4B	Cắt tóc	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
15	Lê Xuân Dương	1/9/1977	272279365	TỔ 58, KP4B	Chạy xe ba gác	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
16	Đỗ Thị Thu Hương	20/2/1982	272500067	TỔ 58, KP4B	Bánh tráng trộn	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
17	Phạm Văn Tranh	1975	111232726	TỔ 43, KP4B	Bán vé số (hiệp mai)	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
18	Phạm Thị Nga	25/10/1969	271552412	TỔ 43, KP4B	Bán rau củ quả	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
19	Mai Thị Tươi	9/8/1988	173525631	TỔ 61, KP4B	Tạp vụ	Trường Mn Ngọc Lan Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
20	Nguyễn Thị Thu Trang	11/7/1985	079185015618	TỔ 25, KP4B	Cắt tóc	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
21	Nguyễn Thị Diễm Linh	1/1/1986	273153578	TỔ 25, KP4B	Quản nước tại nhà	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
22	Hoàng Công Huân	10/10/11980	240642663	TỔ 37, KP4B	Cắt tóc	An Bình, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
23	Hoàng Tuấn Kiệt	17/5/2003	272927184	TỔ 37, KP4B	Cắt tóc	An Bình, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
24	Nguyễn Thị Quý	24/1/1970	150894520	TỔ 37, KP4B	Giúp việc nhà	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
25	Võ Thị Ngọc Nga	10/9/1984	272884028	TỔ 37, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
26	Nguyễn Quang Đoài	20/1/1973	182034762	TỔ 24, KP4B	Nhân viên giao hàng	Nhà Pp Nguyễn Thanh, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
27	Lê Thị Thắm	2/10/1985	240816606	TỔ 43, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
28	Phan Thị Bé	21/9/1962	020459174	TỔ 53, KP4B	Giúp việc nhà	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
29	Trần Thị Mộng Tuyền	1/12/1988	271780168	TỔ 36, KP4B	Cắt tóc	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
30	Nguyễn Anh Tuấn	10/9/1976	272807484	TỔ 55, KP4B	Bốc vác và giao hàng	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
31	Lê Anh Thắng	7/5/1978	272760619	TỔ 52, KP4B	Tập vụ quán cơm niêu	Quán Tuấn Tú, Tân Hiệp, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
32	Nguyễn Duy Hải	3/5/2002	272919384	TỔ 58, KP4B	Phục vụ	King Cha, Tân Mai, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
33	Trần Thị Xuân	22/8/1962	070940310	TỔ 7, KP4B	Gom phế liệu	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
34	Trần Thị Thu	26/03/1991	197267051	TỔ 43, KP4B	Làm nail	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
35	Nguyễn Thị Bình	01/09/1958	171072782	TỔ 55, KP4B	Bán hàng rong rau củ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
36	Hoàng Thị Lệ Thủy	20/4/1990	194419894	TỔ 55, KP4B	Giáo viên mầm non	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
37	Lê Thị Định	16/01/1977	272805089	TỔ 55, KP4B	Bán cá	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
38	Bùi Thị Uyên	01/10/1992	034192006328	TỔ 55, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
39	Nguyễn Tuấn Anh	27/04/1974	272749319	TỔ 55, KP4B	Buôn bán trái cây	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
40	Nguyễn Thị Thùy Dương	03/02/1979	272831369	TỔ 55, KP4B	Buôn bán trái cây	Tam Hiệp, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
41	Lê Văn Bắc	20/06/1983	271545482	TỔ 55, KP4B	Buôn bán trái cây dạo	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
42	Phạm Thị Quỳnh Nga	28/07/1982	183148405	TỔ 59, KP4B	Bán cà phê nước ngọt	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
43	Nguyễn Thị Thịnh	02/10/1972	272557988	TỔ 33, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
44	Nguyễn Đình Sơn	15/03/1993	187341070	TỔ 33, KP4B	Chạy xe ba gác	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
45	Lê Thị Vinh	10/05/1971	174151635	TỔ 55, KP4B	Bán hàng rong rau	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
46	Đặng Thị Xuân Anh	15/04/1975	271224102	TỔ 48, KP4B	Bán bánh mì	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
47	Bùi Bá Duy	20/06/1986	271663511	TỔ 33, KP4B	Lái xe 2 bánh công nghệ	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
48	Lê Thị Đào	24/02/1967	035167000243	TỔ 33, KP4B	Bán rau củ quả	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
49	Dương Thị Mỹ Trinh	21/12/1988	272970277	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
50	Trần Thị Minh Thủy	14/07/2002	035302000397	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
51	Nguyễn Thị Bích Tuyền	24/08/1983	271759032	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
52	Trần Thị Thu Trang	14/07/2002	035302000336	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
53	Đào Văn Tuyền	17/12/1985	272536261	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
54	Nguyễn Đình Huy	31/08/1995	272477545	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
55	Nguyễn Thị Thu Hồng	19/05/1985	040185002148	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
56	Lê Thị Ánh Tuyết	03/01/1971	270893284	TỔ 39, KP4B	Bán cháo	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
57	Phạm Văn Trung	01/01/1991	363612282	TỔ 39, KP4B	Nhân viên quán ăn	Quán Ăn Những Người Bạn BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
58	Lê Quang Giang	20/10/2000	038200004379	TỔ 39, KP4B	Nhân viên quán ăn	Quán Ăn Những Người Bạn BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
59	Trần Ngọc Khang	14/11/2003	372019586	TỔ 55, KP4B	Phụ quán ăn	Quán Cơm Bà Đắc Bh-Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
60	Vũ Thị Nga	17/02/1992	034192002340	TỔ 55, KP4B	Phụ quán ăn	Quán Cơm 97 Kp11 Tân Phong, Bh-Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
61	Trần Văn Hoàn	10/10/1974	272974424	TỔ 55, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Biên Hòa, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
62	Phạm Văn Lạng	1954	160801546	TỔ 61, KP4B	Thu gom ve chai tự do	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
63	Nguyễn Văn Hạnh	1957	272330398	TỔ 12, KP4B	Bảo vệ thời vụ nha khoa	Nha Khoa Ngọc Nha, Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
64	Hoàng Gia Lâm	29/09/1996	272339096	TỔ 61, KP4B	Bán hàng ăn sáng	Tân Biên, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
65	Nguyễn Thị Cảnh	20/10/1970	184158717	TỔ 61, KP4B	Giúp việc nhà	Hố Nai, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
66	Hoàng Trần Minh Tấn	25/09/1991	272193292	TỔ 61, KP4B	Buôn bán tự do rau củ	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
67	Nguyễn Văn Công	16/08/1991	186979400	TỔ 39, KP4B	Chạy xe ba gác	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
68	Nguyễn Thị Hồng Loan	19/11/1982	212201518	TỔ 39, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
69	Nguyễn Huy Hoàng	29/10/2000	272748038	TỔ 39, KP4B	Cắt tóc	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
70	Phạm Thị Hiền	24/09/1978	272806273	TỔ 39, KP4B	Bán vật quặng	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
71	Nguyễn Thị Vỹ	16/10/1979	272438297	TỔ 12, KP4B	Bán quần áo	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
72	Nguyễn Ngọc Thảo	11/05/1980	271422375	TỔ 12, KP4B	Phụ tiệm tóc	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
73	Vũ Thị Yến	01/01/1976	276077169	TỔ 13, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
74	Trần Thị Hải	20/11/1987	272945757	TỔ 12, KP4B	Bán quần áo	Tân Hiệp, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
75	Lê Hữu Thịnh	03/12/1980	272999992	TỔ 12, KP4B	Phụ bán giao hàng thịt heo	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
76	Hoàng Thị Hương	12/06/1984	162465816	TỔ 12, KP4B	Giúp việc nhà	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
77	Nguyễn Trọng Tân	10/09/1978	171878092	TỔ 12, KP4B	Đi mua vé chài	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
78	Lê Hồng Thi	22/09/1983	272883657	TỔ 59, KP4B	Chạy xe ba gác	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
79	Nguyễn Thị Tâm	20/07/1982	276110677	TỔ 59, KP4B	Buôn bán trái cây	Tân Hiệp, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
80	Nguyễn Thị Thanh	26/10/1989	276101595	TỔ 59, KP4B	Buôn bán đồ mỹ phẩm nhỏ lẻ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
81	Võ Thị Sang	05/01/1988	183457914	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
82	Lê Quang Diện	14/12/1982	131498869	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
83	Kiên Thị Giàu	27/03/1966	2706414454	TỔ 17, KP4B	Tập vụ trường học lễ quý đón	Biên Hòa, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
84	Huỳnh Thị Kim Yến	22/08/1988	215205322	TỔ 55, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
85	Phan Thị Thảo	10/04/1992	241285402	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
86	Nguyễn Trần Thanh Hải	23/03/1981	201510034	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
87	Trần Thị Thường	02/09/1959	272611538	TỔ 29, KP4B	Thu mua ve chai	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
88	Trần Thị Lon	10/06/1960	272765251	TỔ 19, KP4B	Mua phế liệu ve chai	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
89	Trịnh Hồng Quý	15/02/1983	271751712	TỔ 2, KP4B	Bán vé số	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
90	Trần Thị Tinh	05/09/1965	272387623	TỔ 2, KP4B	Bán đồ ăn sáng	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
91	Phạm Tuấn	12/10/1984	272079817	TỔ 2, KP4B	Bán vé số lưu động	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
92	Huỳnh Thị Thu Thủy	31/10/1984	271630602	TỔ 2, KP4B	Uốn tóc, cắt tóc	Bình Đa, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
93	Phạm Văn Sơn	10/10/1965	272546373	TỔ 2, KP4B	Bán đồ ăn sáng	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
94	Nguyễn Thị Yên	29/12/1990	001190021764	TỔ 8, KP4B	Bán bánh mì que	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
95	Hoàng Đức Duy	22/04/1969	272247879	TỔ 12, KP4B	Chạy xe đưa đón học sinh	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
96	Bùi Văn Khôi	17/12/1982	272918543	TỔ 54, KP4B	Bán rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
97	Phan Đình Định	29/12/1974	276089787	TỔ 54, KP4B	Bán vé số lưu động	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
98	Vũ Thị Nữ	1962	360441297	TỔ 54, KP4B	Bán rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
99	Nguyễn Thị Yên	2/12/1987	276128747	TỔ 54, KP4B	Bán quần áo trong	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
100	Phạm Văn Thiện	16/1/1978	183318750	TỔ 54, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ rau quả	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
101	Trần Thiện Nhân	08/12/1988	271790228	TỔ 38, KP4B	Quản lý quán ăn uống	Quán Hào Oanh, Thống Nhất, Bh, Dn	01/7/2021	0	1.500.000	
102	Lê Quốc Chung	02/02/1960	272259709	TỔ 4, KP4B	Nghề bốc vác	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
103	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/12/1982	079182002509	TỔ 4, KP4B	Làm tóc, nail	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
104	Đình Văn Lam	05/09/1977	272939881	TỔ 60, KP4B	Thu mua phế liệu	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
105	Nguyễn Thị Thanh	01/10/1988	151704874	TỔ 23, KP4B	Bán quán bún	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
106	Nguyễn Xuân Thắng	24/10/1986	272806342	TỔ 23, KP4B	Bán quán bún	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
107	Nguyễn Thị Hào	08/01/1990	272966259	TỔ 23, KP4B	Buôn bán phế liệu	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
108	Lê Thị Phương	25/02/1991	174240425	TỔ 23, KP4B	Giáo viên mầm non	Ni Hồng Quán, Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
109	Nguyễn Hữu Ty	10/03/1989	272966260	TỔ 23, KP4B	Buôn bán phế liệu	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
110	Bùi Thị Thanh	02/05/1952	038152002718	TỔ 23, KP4B	Phụ quán ăn	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
111	Lê Văn Trung	05/02/1979	272749057	TỔ 23, KP4B	Chạy xe ôm grab	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
112	Dương Thị Xuân	08/03/1969	038169007483	TỔ 23, KP4B	Bán hàng rong rau củ quả	Tân Hiệp, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
113	Trần Đình Luận	03/04/1990	225376253	TỔ 23, KP4B	Bán hàng rong rau củ quả	Tân Hiệp, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
114	Lê Thị Trang	22/02/1991	173747465	TỔ 23, KP4B	Bán hàng rong rau củ quả	Tân Hiệp, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
115	Lê Văn Hưng	10/06/1964	038064008413	TỔ 23, KP4B	Bán hàng rong rau củ quả	Tân Hiệp, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
116	Ngô Thị Bích Hợp	05/01/1963	270437241	TỔ 23, KP4B	Giúp việc nhà	Hố Nai 1, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
117	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/10/1980	037180003558	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
118	Nguyễn Thị Lệ	01/01/1968	272974780	TỔ 44, KP4B	Bán xôi	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
119	Trần Khắc Vũ	13/08/1964	272279207	TỔ 44, KP4B	Chạy xe ôm	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
120	Nguyễn Văn Thượng	21/06/1985	271670379	TỔ 27, KP4B	Bán hàng rong	Trung Dũng, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
121	Nguyễn Thị Giang	21/03/1984	272871520	TỔ 27, KP4B	Bán hàng rong	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
122	Trịnh Quang Lược	21/07/1969	285774628	TỔ 27, KP4B	Chạy xe công nghệ	Lh Hcx Vgct Tp Hcm	01/7/2021	0	1.500.000	
123	Vũ Thị Thúy Liên	20/08/1982	272805864	TỔ 32, KP4B	Bán trái cây	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
124	Hoàng Minh Đức	19/08/1978	272937713	TỔ 32, KP4B	Bán trái cây	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
125	Nguyễn Thị Huyền Trân	05/09/1985	271647700	TỔ 43, KP4B	Giáo viên mầm non	Mầm Non Vàng Anh, Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
126	Vũ Thị Đào	17/12/1990	125926408	TỔ 44, KP4B	Bán dầu hủ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
127	Hà Văn Nguyễn	10/06/1979	272937626	TỔ 59, KP4B	Chạy xe ôm	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
128	Đinh Thị Hà	1976	272740447	TỔ 12, KP4B	Thu mua phế liệu	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
129	Nguyễn Thị Lê Na	07/11/1991	183852085	TỔ 49, KP4B	Bán bánh mỳ ăn sáng	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
130	Hoàng Thị Hiền	29/06/1988	272597269	TỔ 49, KP4B	Buôn bán nhỏ lẻ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
131	Võ Thị Kim Liên	18/06/2003	272976712	TỔ 38, KP4B	Quán trà sữa	Trà Sữa 2k, Tân Phong, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
132	Bùi Thị Thuận	03/08/1984	024772480	TỔ 38, KP4B	Cắt tóc	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
133	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	04/06/1995	272545254	TỔ 38, KP4B	Bán bánh mì	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
134	Trần Hữu Tú	07/06/1986	271664411	TỔ 38, KP4B	Bán bánh mì	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
135	Nguyễn Thị Liên	10/10/1994	187197168	TỔ 12, KP4B	Giáo viên mầm non	Mầm Non Hoàng Oanh 3, Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
136	Phạm Văn Thuận	24/06/1982	151403103	TỔ 12, KP4B	Mua phế liệu ve chai	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
137	Huỳnh Thị Hồng	1962	270133092	TỔ 33, KP4B	Bán bánh ướt	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
138	Đỗ Văn Khiêm	01/01/1961	370303820	TỔ 52, KP4B	Bán đồ chơi trẻ em	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
139	Nguyễn Văn Pháp	25/09/1994	212377458	TỔ 59, KP4B	Bốc vác	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
140	Phạm Văn Doan	1979	272297080	TỔ 59, KP4B	Chạy xe ôm	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
141	Nguyễn Thị Thúy	21/05/1968	272750142	TỔ 59, KP4B	Giúp việc nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
142	Phan Thị Tương	18/06/1964	184204793	TỔ 59, KP4B	Giúp việc nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
143	Nguyễn Dũng	05/04/1980	191613726	TỔ 59, KP4B	Bán hàng rong	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
144	Đỗ Thanh Liêm	01/08/1978	058078000462	TỔ 59, KP4B	Chạy xe ôm	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
145	Đinh Văn Nghinh	05/12/1959	272965407	TỔ 59, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
146	Phạm Thị Cải	16/01/1976	272626818	TỔ 59, KP4B	Giúp việc nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
147	Phan Văn Dương	10/08/1993	272681640	TỔ 59, KP4B	Bốc vác tự do	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
148	Vũ Xuân Biên	09/03/1985	276003656	TỔ 48, KP4B	Bán hàng rong rau	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
149	Ninh Thị Hoa	02/02/1964	250434178	TỔ 1, KP4B	Giúp việc nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
150	Vũ Anh Dũng	01/01/1973	272219968	TỔ 1, KP4B	Vận chuyển hàng hóa xe ba gác	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
151	Trần Thị Hòa	26/12/1976	272579120	TỔ 1, KP4B	Bán hàng ăn	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
152	Trần Thị Phòng Lan	26/06/1984	250553751	TỔ 1, KP4B	Giúp việc nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
153	Nguyễn Đình Thiện	10/10/1973	276056892	TỔ 19, KP4B	Gom phế liệu	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
154	Nguyễn Thị Vân	10/06/1972	186831029	TỔ 19, KP4B	Gom phế liệu	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
155	Nguyễn Quang Hưng	19/02/1983	013554044	TỔ 55, KP4B	Bán hàng rong	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
156	Lê Xuân Hoàng	07/01/1990	272944118	TỔ 55, KP4B	Vận chuyển hàng vlxđ	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
157	Vũ Đình Thành	05/06/1998	272856815	TỔ 55, KP4B	Chạy xe ôm	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
158	Nguyễn Thị Bạch Yến	1973	272388481	TỔ 34, KP4B	Tập vụ karaoke kimsong	Thống Nhất, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
159	Nguyễn Minh Kha	28/05/1994	272358354	TỔ 34, KP4B	Phục vụ karaoke kimsong	Thống Nhất, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
160	Hàn Văn Kiên	28/11/1970	241212695	TỔ 38, KP4B	Hớt tóc	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
161	Bùi Duy Hạnh	10/05/1983	272715981	TỔ 20, KP4B	Chạy xe ba gác	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
162	Đặng Thị Kim Duyên	20/10/1988	285231707	TỔ 20, KP4B	Cắt tóc	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
163	Mai Thị Tươi	10/4/1984	272899011	TỔ 20, KP4B	Buôn bán đồ gia dụng	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
164	Nguyễn Văn Năng	20/03/1970	270919670	TỔ 20, KP4B	Chạy xe ba gác	Địa Điểm Không Có Định	01/7/2021	0	1.500.000	
165	Lê Văn Thuận	02/12/1989	142329725	TỔ 33, KP4B	Giao hàng bánh kem	Tiệm Bánh Đài Nam Kêc D16 BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
166	Nguyễn Văn Lợi	16/02/1980	272945813	TỔ 13, KP4B	Nhân viên phụ bàn	Quốc Lộ 13, Bình Dương	01/7/2021	0	1.500.000	
167	Mai Thị Thu Huyền	06/03/1986	276032393	TỔ 40, KP4B	Bán hàng ăn long hco	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
168	Nguyễn Văn Hương	20/2/1950	272927831	TỔ 1, KP4B	Sửa xe đạp tại nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
169	Phan Văn Bắc	15/10/1986	272616184	TỔ 40, KP4B	Bán hàng ăn long hco	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
170	Hồ Đức Bình	10/07/1987	276029012	TỔ 34, KP4B	Bán quán nướng 81	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
171	Nguyễn Thị Bình	03/05/1950	271754388	TỔ 01, KP4B	Bán cà phê tại nhà	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
172	Phạm Phúc Hiệp	25/04/1977	272855728	TỔ 36, KP4B	Bốc xếp	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
173	Phạm Thị Kiều Dung	26/12/1981	09211818000980	TỔ 4, KP4B	Cơ sở làm đẹp chăm sóc da	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
174	Nguyễn Hoài Ân	05/03/1991	271986799	TỔ 34, KP4B	Bốc vác	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
175	Phan Thị Lai	25/06/1983	194169036	TỔ 37, KP4B	Quản ăn	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
176	Nguyễn Đắc Thắng	12/08/1983	271525119	TỔ 37, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
177	Đinh Thị Hồng Phượng	15/04/1981	272855033	TỔ 16, KP4B	Hàng rong (hoa tươi)	Tam Hiệp, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
178	Nguyễn Văn Tú	09/05/1985	276006207	TỔ 16, KP4B	Bốc vác	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
179	Lê Xuân Bình	23/02/1976	131330912	TỔ 16, KP4B	Hàng rong (thịt heo)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
180	Vũ Ngọc Hòe	13/07/1968	038068004288	TỔ 39, KP4B	Nhân viên	Shop Baby Uyên Nhi Tân Tiến, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
181	Cao Vũ Trường	12/06/1969	272757293	TỔ 39, KP4B	Quán ăn	Đồng Hòa, Dĩ An, Bđ	01/7/2021	0	1.500.000	
182	Ngô Thị Hồng Hạnh	12/07/1971	270893046	TỔ 39, KP4B	Quán ăn	Nội Hóa, Dĩ An, Bđ	01/7/2021	0	1.500.000	
183	Vũ Thị Mùi	06/10/1996	231195128	TỔ 39, KP4B	Quán ăn	Đồng Hòa, Dĩ An, Bđ	01/7/2021	0	1.500.000	
184	Cao Trường Tiến	24/01/1994	272248142	TỔ 39, KP4B	Quán ăn	Ngã Tư Bình Thung, Dĩ An, Bđ	01/7/2021	0	1.500.000	
185	Cao Anh Khoa	05/01/1997	272682049	TỔ 39, KP4B	Quán ăn	Dĩ An, Bình Dương	01/7/2021	0	1.500.000	
186	Nguyễn Văn Vĩnh	20/06/1987	034087003085	TỔ 3, KP4B	Bốc vác	Tân Phong, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
187	Vũ Thị Nụ	15/09/1990	174650032	TỔ 39, KP4B	Phục vụ quán	Quán Ăn Những Người Bạn Bè, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
188	Danh Thị Thủy Dung	23/11/1977	271356465	TỔ 34, KP4B	Lđ giúp việc gđ	Tân Mai, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
189	Nguyễn Văn Minh	1964	270090336	TỔ 12, KP4B	Thu gom phế liệu	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
190	Đỗ Thị Thủy	25/12/1971	272568449	TỔ 34, KP4B	Hàng rong (rau)	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
191	Nguyễn Thị Vinh	10/12/1981	197113429	TỔ 37, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
192	Nguyễn Ngọc Sơn	11/11/1960	270079652	TỔ 34, KP4B	Bốc vác	Quang Vinh, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
193	Phạm Sông Thao	01/10/1979	001079023809	TỔ 35, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
194	Trịnh Ngọc Tư	10/04/1978	272749096	TỔ 35, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
195	Lâm Thị Dăng	01/01/1978	036178003928	TỔ 35, KP4B	Hàng rong (quần áo)	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
196	Nguyễn Văn Vượng	25/01/1980	036080008053	TỔ 35, KP4B	Xe ôm	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
197	Nguyễn Duy Hậu	05/12/2003	272944297	TỔ 35, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
198	Nguyễn Văn Việt	20/10/1971	038071000776	TỔ 35, KP4B	Hàng rong (rau)	Trảng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
199	Lê Đình Hùng	12/10/1975	272740904	TỔ 34, KP4B	Quản ăn	Tổ 34 Kp4b P.Trảng Dài	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
200	Cao Viết Phương	04/01/1997	276068870	TỔ 12, KP4B	Phục vụ quán	Hồ Nai, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
201	Nguyễn Thị Lan	16/11/1980	183182077	TỔ 34, KP4B	Quán ăn	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
202	Trần Văn Thành	01/01/1979	272759327	TỔ 30, KP4B	Phục vụ	Dv Nấu Ăn Ngoc Hà, Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
203	Nguyễn Sỹ Tân	28/04/2001	272998128	TỔ 30, KP4B	Phục vụ	Dv Nấu Ăn Ngoc Hà, Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
204	Ôn Văn Gián	06/06/1986	261037769	TỔ 51, KP4B	Hàng rong (rau)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
205	Trần Hiền Trang	23/10/1991	187065568	TỔ 35, KP4B	Hàng rong (bánh mì)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
206	Trần Thị Hoài Thương	15/04/2001	245389640	TỔ 51, KP4B	Nhân viên spa	Spa Havana, Tân Tiến, Bh, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
207	Nguyễn Thị Thủy	29/02/1984	272895047	TỔ 51, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Vinh Tân, Vĩnh Cửu, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
208	Nguyễn Thị Hà	11/05/1989	271839857	TỔ 51, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
209	Trần Thị Lành	12/02/1990	042190004166	TỔ 51, KP4B	Hàng rong (quần áo)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
210	Phạm Mạnh Hà	07/03/1987	272789395	TỔ 51, KP4B	Bốc vác	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
211	Vô Văn Quyền	10/06/1974	271149359	TỔ 51, KP4B	Bốc vác	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
212	Nguyễn Thị Kiều Oanh	01/12/1973	272681442	TỔ 31, KP4B	Hàng rong	Chợ Đêm Tân Biên, B.Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
213	Lê Thị Luyến	09/10/1980	272379146	TỔ 34, KP4B	Hàng rong (rau)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
214	Đỗ Thị Bình	27/07/1987	272112684	TỔ 33, KP4B	Làm đẹp (cắt tóc)	Salon Ngọc Thủy, Thanh Bình, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
215	Lưu Đình Diệp	16/02/1982	272769851	TỔ 12, KP4B	Hàng rong (rau)	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
216	Nguyễn Văn Tòa	20/07/1982	271698072	TỔ 11, KP4B	Làm đẹp (cắt tóc)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
217	Võ Thị Dung	02/01/1984	186255189	TỔ 12, KP4B	Hàng rong (thịt heo)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
218	Phạm Thị Hiền	29/12/1981	272687212	TỔ 9, KP4B	Hàng rong (rau)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
219	Nguyễn Văn Nhân	07/10/1970	272938525	TỔ 9, KP4B	Quán ăn	Tổ 9 Kp4b P. Tràng Dài	01/7/2021	0	1.500.000	
220	Phạm Thị Tố Hương	21/02/1984	272938524	TỔ 9, KP4B	Quán ăn	Tổ 9 Kp4b P. Tràng Dài	01/7/2021	0	1.500.000	
221	Vũ Văn Lâm	17/02/1981	271597287	TỔ 9, KP4B	Hàng rong (rau)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
222	Vũ Đức Lương	14/07/2016	036201001968	TỔ 9, KP4B	Phục vụ quán	Quán Nhim's Tổ 22 Kp3 P. Tràng Dài	01/7/2021	0	1.500.000	
223	Nguyễn Thị Nhung	28/06/1959	272287482	TỔ 9, KP4B	Hàng rong	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
224	Bùi Xuân Tuấn	22/08/1982	272201730	TỔ 9, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
225	Nguyễn Thị Nhài	11/10/1987	272463868	TỔ 9, KP4B	Phục vụ quán	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
226	Bùi Quang Thành	12/09/1992	272122748	TỔ 43, KP4B	Phục vụ quán	Nhà Hàng Trầu Cầu, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
227	Hoàng Thị Mến	09/01/1972	271914636	TỔ 43, KP4B	Quản nước	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
228	Nguyễn Văn Dương	12/07/1978	272965592	TỔ 27, KP4B	Hàng rong (bánh cuốn)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
229	Hoàng Văn Nghị	20/06/1982	276041454	TỔ 27, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
230	Hoàng Văn Hùng	20/08/1974	272806865	TỔ 27, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
231	Nguyễn Văn Lực	22/10/1986	186748646	TỔ 35, KP4B	Bốc vác	Dức Hòa, Long An	01/7/2021	0	1.500.000	
232	Nguyễn Ngọc Hoàn	14/08/1980	164058131	TỔ 27, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
233	Nguyễn Văn Tuấn	04/06/1980	172155004	TỔ 35, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
234	Nguyễn Như Lam	16/09/1984	272500204	TỔ 51, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu, Đn	01/7/2021	0	1.500.000	
235	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	27/06/1984	272683535	TỔ 52, KP4B	Làm đẹp (cắt tóc)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
236	Lưu Quang Vũ	21/07/1989	272312757	TỔ 52, KP4B	Thu gom rác	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
237	Nguyễn Văn Dũng	04/10/1980	272897607	TỔ 52, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Vĩnh Bình, Bình Dương	01/7/2021	0	1.500.000	
238	Đoàn Thị Hoa	19/06/1981	272789283	TỔ 52, KP4B	Lđ giúp việc gđ	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
239	Trần Thị Hào	03/01/1992	272783233	TỔ 45, KP4B	Hàng rong (bánh ướ)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
240	Nguyễn Thị Thanh	29/06/1983	272971807	TỔ 45, KP4B	Hàng rong (trái cây)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
241	Nguyễn Hữu Giang	20/08/1983	272610148	TỔ 52, KP4B	Thu gom phế liệu	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
242	Ngô Thị Lương	20/06/1983	272993445	TỔ 34, KP4B	Hàng rong (rau)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
243	Tổng Thị Thắm	20/09/1987	035187000760	TỔ 31, KP4B	Hàng rong (nước)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
244	Lê Văn Thừa	05/05/1953	164557625	TỔ 2, KP4B	Thu gom phế liệu	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
245	Tạ Kim Nguyễn	1972	380708951	TỔ 2, KP4B	Lđ giúp việc gđ	Càfé Everyday, Tam Hòa, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
246	Nguyễn Thị Nhân	05/08/1962	272417080	TỔ 44, KP4B	Hàng rong (quần áo)	Tràng Dài, BH-DN	01/7/2021	0	1.500.000	
247	Nguyễn Thị Huệ	03/02/1984	040184006123	TỔ 44, KP4B	Hàng rong (nước)	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
248	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/09/1993	276129340	TỔ 44, KP4B	Hàng rong (bán mĩ)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
249	Nguyễn Thị Loan	20/04/1982	272699793	TỔ 44, KP4B	Hàng rong (gỏi cuốn)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
250	Lê Lâm Tới	30/04/1960	272600230	TỔ 44, KP4B	Hàng rong (rau)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
251	Nguyễn Thị Bích Loan	05/02/1972	272899097	TỔ 2, KP4B	Lđ giúp việc gd	Bình Đa, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
252	Vũ Văn Tấn	23/06/1973	035073002371	TỔ 2, KP4B	Bốc vác	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
253	Vũ Thị Lan	17/05/1977	276077676	TỔ 4, KP4B	Lđ giúp việc gd	Xưởng Cơ Khí Huyện Đức Thiện, T. Dài	01/7/2021	0	1.500.000	
254	Lê Thị Lan	15/5/1975	172433806	TỔ 1, KP4B	Thu gom phế liệu	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
255	Đoàn Văn Hùng	07/07/1971	276076624	TỔ 1, KP4B	Thu gom phế liệu	Địa Điểm Không Cố Định	01/7/2021	0	1.500.000	
256	Trần Văn Tường	1977	271478636	TỔ 1, KP4B	Vận chuyển hàng hóa	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
257	Hà Thị Hằng	24/11/1983	272687856	TỔ 1, KP4B	Hàng rong (quần áo)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
258	Nguyễn Thị Tâm	04/04/1957	272268054	TỔ 1, KP4B	Hàng rong (đồ ăn vặt)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	
259	Nguyễn Bình Ri	1992	381615753	TỔ 1, KP4B	Hàng rong (đồ ăn vặt)	Trảng Dài, BH-ĐN	01/7/2021	0	1.500.000	

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839. 840. 841. 842. 843. 844. 845. 846. 847. 848. 849. 850. 851. 852. 853. 854. 855. 856. 857. 858. 859. 860. 861. 862. 863. 864. 865. 866. 867. 868. 869. 870. 871. 872. 873. 874. 875. 876. 877. 878. 879. 880. 881. 882. 883. 884. 885. 886. 887. 888. 889. 890. 891. 892. 893. 894. 895. 896. 897. 898. 899. 900. 901. 902. 903. 904. 905. 906. 907. 908. 909. 910. 911. 912. 913. 914. 915. 916. 917. 918. 919. 920. 921. 922. 923. 924. 925. 926. 927. 928. 929. 930. 931. 932. 933. 934. 935. 936. 937. 938. 939. 940. 941. 942. 943. 944. 945. 946. 947. 948. 949. 950. 951. 952. 953. 954. 955. 956. 957. 958. 959. 960. 961. 962. 963. 964. 965. 966. 967. 968. 969. 970. 971. 972. 973. 974. 975. 976. 977. 978. 979. 980. 981. 982. 983. 984. 985. 986. 987. 988. 989. 990. 991. 992. 993. 994. 995. 996. 997. 998. 999. 1000.

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 260 | Lê Thị Hoa | 20/04/1979 | 272687848 | TỔ 60, KP4B | Hàng rong (quần áo) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 261 | Dương Phương Anh | 30/05/1968 | 021779957 | TỔ 60, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 262 | Lê Hữu Vượng | 03/10/1978 | 272566047 | TỔ 6, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 263 | Nguyễn Hữu Sơn | 14/07/1977 | 272794184 | TỔ 46, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 264 | Nguyễn Thị Trang Dung | 07/07/1982 | 113079653 | TỔ 31, KP4B | Hàng rong (thịt heo) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 265 | Nguyễn Thị Lam | 16/04/1988 | 186957388 | TỔ 31, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Tân Hiệp, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 266 | Đinh Văn Thiện | 16/06/1979 | 164083455 | TỔ 31, KP4B | Hàng rong (thịt heo) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 267 | Phạm Thị Hạnh | 07/06/1961 | 272219704 | TỔ 58, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 268 | Ngô Văn Nam | 26/09/1979 | 271376464 | TỔ 58, KP4B | Bốc vác | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 269 | Nguyễn Thị Minh | 20/12/1988 | 272974192 | TỔ 58, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 270 | Nguyễn Kiều Thủy Anh | 11/12/1985 | 271680551 | TỔ 18, KP4B | Phục vụ quán | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 271 | Trương Văn Tuất | 15/09/1958 | 272189678 | TỔ 58, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|--------------|-------------|------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 272 | Huỳnh Thanh Tuyền | 07/06/1993 | 272446568 | TỔ 58, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 273 | Đinh Công Khánh | 06/08/1984 | 035084005889 | TỔ 16, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 274 | Lê Thị Thuận | 29/05/1984 | 050525908 | TỔ 16, KP4B | Hàng rong (rau) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 275 | Phạm Văn Tuất | 09/09/1982 | 272662637 | TỔ 16, KP4B | Hàng rong (bánh trắng) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 276 | Trần Xuân Bằng | 16/09/1982 | 168040340 | TỔ 16, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 277 | Trần Hữu Văn | 06/10/1965 | 079065010833 | TỔ 60, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 278 | Lê Thị Lụa | 02/02/1975 | 182440836 | TỔ 60, KP4B | Hàng rong (bánh cuốn) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 279 | Nguyễn Thị Thán | 16/04/1980 | 272575284 | TỔ 60, KP4B | Hàng rong | Tân Phong, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 280 | Bùi Thị Thủy | 10/2/1994 | 184073823 | TỔ 12, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 281 | Nguyễn Thị Thảo | 05/08/1988 | 042188000357 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 282 | Trần Thị Lài | 06/05/1984 | 186147167 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 283 | Nguyễn Văn Thủy | 10/02/1972 | 276009354 | TỔ 12, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 284 | Trần Quốc Thành | 22/10/1980 | 272834841 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (đỏ nhựa) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 285 | Ngô Quốc Huy | 25/05/1985 | 271628233 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (nước) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 286 | Phạm Văn Thiệp | 02/01/1987 | 272138984 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (rau) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 287 | Phan Minh Tâm | 04/06/1981 | 272885580 | TỔ 12, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 288 | Nguyễn Thị Thảo | 08/10/1988 | 186737071 | TỔ 60, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 289 | Nguyễn Thị Mộng Tuyền | 01/04/1981 | 271430349 | TỔ 60, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 290 | Trang Thị Nga | 24/04/1958 | 270934105 | TỔ 1, KP4B | Lđ giúp việc gd | Tân Tiến, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 291 | Nguyễn Văn Lợi | 25/10/1972 | 111362870 | TỔ 16, KP4B | Hàng rong (túi nhựa) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 292 | Đỗ Thị Phương | 15/06/1980 | 001180003921 | TỔ 16, KP4B | Hàng rong (túi nhựa) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 293 | Vân Thị Thùy Dung | 21/04/1993 | 187135588 | TỔ 58, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 294 | Nguyễn Vũ Kim Phụng | 02/06/1980 | 271452754 | TỔ 28, KP4B | Quản nước | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 295 | Phạm Tường Lâm | 30/12/1974 | 272201046 | TỔ 28, KP4B | Quản nước | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 296 | Nguyễn Văn Văn | 25/05/1976 | 272387880 | TỔ 1, KP4B | Xc ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 297 | Trần Văn Tuyền | 01/11/1987 | 162905326 | TỔ 7, KP4B | Hàng rong (rau) | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 298 | Nguyễn Thị Lộc | 1/1/1985 | 272834318 | TỔ 7, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 299 | Nguyễn Thị Tuyết | 21/01/1989 | 038189002885 | TỔ 7, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 300 | Lương Hữu Hùng | 17/04/1986 | 251268916 | TỔ 7, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 301 | Mai Thị Thắm | 27/07/1985 | 276012163 | TỔ 55, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 302 | Phạm Anh Tuấn | 20/08/1986 | 272849793 | TỔ 21, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 303 | Trương Thanh Sơn | 21/01/1982 | 272642608 | TỔ 21, KP4B | Bốc vác | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 304 | Đặng Thị Nhân | 01/05/1975 | 272973480 | TỔ 7, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 305 | Phạm Thị Hai | 10/11/1990 | 040190000321 | TỔ 7, KP4B | Hàng rong (bánh rần) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 306 | Nguyễn Thị Kim Liên | 16/02/1965 | 270695969 | TỔ 7, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 307 | Đinh Thị Thiện | 30/12/1967 | 270839720 | TỔ 33, KP4B | Hàng rong (dầu hũ) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|------------|---------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 308 | Phan Đức Hiệp | 24/06/1985 | 271585796 | TỔ 4, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Siêu Thị Megamarket | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 309 | Đinh Thị Nga | 22/02/1991 | 082242587 | TỔ 4, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 310 | Trương Anh Tú | 14/05/1987 | 186501860 | TỔ 4, KP4B | Quán ăn | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 311 | Nguyễn Thị Tình | 20/9/1994 | 187354205 | TỔ 4, KP4B | Quán ăn | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 312 | Trần Thị Tuyền | 12/05/1978 | 272855139 | TỔ 4, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 313 | Nguyễn Thị Hồng Thắm | 01/08/1983 | 272783892 | TỔ 4, KP4B | Lđ giúp việc gđ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 314 | Lê Thị Thành | 13/06/1981 | 186163394 | TỔ 4, KP4B | Thu gom phế liệu | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 315 | Nguyễn Duy Hoàng | 15/10/1963 | 270390380 | TỔ 4, KP4B | Thu gom rác | Tân Phát Tài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 316 | Nguyễn Thị Hà | 06/07/1979 | 233323134 | TỔ 4, KP4B | Thu gom phế liệu | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 317 | Đoàn Thanh Phương | 06/08/1960 | 233323640 | TỔ 4, KP4B | Xe ôm | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 318 | Trần Thị Tuyết Nhi | 15/01/2003 | 372090299 | TỔ 4, KP4B | Hàng rong (bán hời) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 319 | Hồ Văn Thương | 05/09/1977 | 272201740 | TỔ 4, KP4B | Bốc vác | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|---------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 320 | Trần Thị Phương | 02/05/1986 | 272974000 | TỔ 4, KP4B | Quán ăn (cháo dinh dưỡng) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 321 | Trần Văn Ngọc | 09/10/1980 | 272896022 | TỔ 4, KP4B | Quán ăn (cháo dinh dưỡng) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 322 | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 12/11/1999 | 272678594 | TỔ 5, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 323 | Nguyễn Quang Vinh | 23/12/1962 | 272563955 | TỔ 5, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 324 | Lê Quang Thích | 20/12/1982 | 272807315 | TỔ 58, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 325 | Lê Thị Thiết | 22/08/1952 | 272649173 | TỔ 58, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 326 | Trần Văn Thi | 1978 | 272688655 | TỔ 58, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 327 | Bùi Thị Thiện | 08/06/1988 | 276048301 | TỔ 58, KP4B | Hàng rong (quần áo) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 328 | Nguyễn Thị Thủy | 15/10/1971 | 276032127 | TỔ 58, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 329 | Hoàng Thị Ngọc Lan | 09/10/1966 | 270760550 | TỔ 28, KP4B | Hàng rong (dép) | Hố Nai, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 330 | Dương Lưu | 05/05/1980 | 272938894 | TỔ 61, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 331 | Cù Chính Thửc | 02/08/1988 | 272926535 | TỔ 61, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 332 | Lê Văn Thắng | 19/05/1977 | 272729417 | TỔ 34, KP4B | Bốc vác | Thống Nhất, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 333 | Lại Thị Vàng | 22/02/1963 | 272807279 | TỔ 34, KP4B | Lđ giúp việc gđ | Thống Nhất, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 334 | Trịnh Thị Thịn | 01/10/1988 | 173374270 | TỔ 36, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 335 | Võ Thị Ngọc | 20/08/1985 | 271670748 | TỔ 37, KP4B | Phục vụ quán | Quán Ăn Như Ý, Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 336 | Nguyễn Đình Hiếu | 22/08/1980 | 197111165 | TỔ 37, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 337 | Vũ Văn Ca | 25/05/1982 | 172235786 | TỔ 36, KP4B | Hàng rong (rau) | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 338 | Nguyễn Thị Giáp | 06/04/1986 | 038186012623 | TỔ 31, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 339 | Nguyễn Thị Thương | 01/05/1979 | 172224585 | TỔ 31, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 340 | Nguyễn Thị Lệ | 12/07/1984 | 145856386 | TỔ 31, KP4B | Hàng rong (rau) | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 341 | Nguyễn Sỹ Hải | 21/09/1972 | 272839684 | TỔ 46, KP4B | Quản nước | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 342 | Trần Văn Trường | 10/03/2001 | 272839970 | TỔ 46, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 343 | Nguyễn Thị Bảy | 01/08/1981 | 272999440 | TỔ 46, KP4B | Thu gom phế liệu | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|-----------|-------------|------------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 344 | Lê Hùng | 25/11/1965 | 271420064 | TỔ 1, KP4B | Bóc vác | Cty Gổ T.A, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 345 | Lê Thị Huyền | 15/11/1970 | 272444349 | TỔ 33, KP4B | Lđ giúp việc gd | Long Bình, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 346 | Nguyễn Thị Nhung | 11/04/1992 | 272248905 | TỔ 33, KP4B | Hàng rong (bánh mì) | Bến Cầu Tây Ninh | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 347 | Nguyễn Văn Tháo | 12/04/1995 | 272439324 | TỔ 33, KP4B | Quán nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 348 | Đoàn Thị Tú Trang | 02/09/1978 | 351503231 | TỔ 38, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 349 | Lê Văn Lương | 09/10/1976 | 272828537 | TỔ 55, KP4B | Hàng rong (cá) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 350 | Trần Thị Thùy | 24/08/1985 | 276022947 | TỔ 58, KP4B | Lđ giúp việc gd | Ngôi Nhà Hạnh Phúc, Tân Tiến, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 351 | Phạm Thị Oanh | 1982 | 365263420 | TỔ 55, KP4B | Hàng rong (đồ ăn sáng) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 352 | Phùng Bá Dũng | 13/07/1984 | 272816513 | TỔ 55, KP4B | Hàng rong (chả giò) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 353 | Nguyễn Thị Huyền | 04/09/1980 | 272993871 | TỔ 55, KP4B | Hàng rong (quần áo) | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 354 | Võ Tùng Long | 20/03/1988 | 272097527 | TỔ 29, KP4B | Phục vụ quán | Hố Nai, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 355 | Đông Hải Quân | 02/04/1984 | 162467764 | TỔ 50, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Phường 6, Gò Vấp, Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|--------------|-------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 356 | Nguyễn Văn Quỳnh | 23/09/1976 | 035076003139 | TỔ 50, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 357 | Nguyễn Thị Thuận | 31/01/1949 | 272855847 | TỔ 1, KP4B | Quản nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 358 | Trần Thị Xuân Mai | 18/10/1980 | 272449298 | TỔ 50, KP4B | Thu gom phế liệu | Thuận An, Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 359 | Nguyễn Ngọc Trinh | 25/02/1989 | 276097228 | TỔ 38, KP4B | Quản ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 360 | Nguyễn Minh Anh | 02/06/1984 | 272711048 | TỔ 38, KP4B | Quản ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 361 | Đỗ Thị Mơ | 06/10/1978 | 272477859 | TỔ 50, KP4B | Hàng rong (bán thịt nướng) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 362 | Nguyễn Trung Kiên | 23/10/1993 | 272719797 | TỔ 52, KP4B | Quản nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 363 | Nguyễn Thị Cường | 29/12/1986 | 272682922 | TỔ 52, KP4B | Hàng rong (quần áo) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 364 | Lê Thị Diệp | 19/05/1969 | 038169011087 | TỔ 45, KP4B | Quản ăn | Tổ 45, Kp4b, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 365 | Lê Thủy Huyền | 15/10/2001 | 366313078 | TỔ 45, KP4B | Nhân viên spa | Zenspa, Tân Phong, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 366 | Nguyễn Hồng Thơm | 28/06/1979 | 090851318 | TỔ 6, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 367 | Hoàng Đình Lai | 10/05/1984 | 272033014 | TỔ 6, KP4B | Phục vụ quán | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 368 | Phạm Tùng Hải | 30/12/1966 | 272611362 | TỔ 33, KP4B | Lđ trường nn | Nhóm Trẻ Trà My, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 369 | Nguyễn Thị Luyến | 01/05/1974 | 272993535 | TỔ 45, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 370 | Nguyễn Viết Phú | 01/06/1991 | 276070846 | TỔ 45, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 371 | Lê Văn Dương | 1977 | 162277343 | TỔ 45, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 372 | Phạm Thủy Nga | 20/10/1978 | 272535406 | TỔ 6, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 373 | Trần Thị Duyên | 12/07/1981 | 276099144 | TỔ 59, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 374 | Tổng Văn Thiệp | 15/05/1985 | 276128986 | TỔ 59, KP4B | Hàng rong (kem) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 375 | Vũ Thục Diễm | 05/05/1983 | 272780731 | TỔ 9, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 376 | Nguyễn Phi Hải | 08/01/1984 | 331411759 | TỔ 10, KP4B | Quán ăn | Long Bình, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 377 | Chu Đức Tân | 02/10/1978 | 272189704 | TỔ 10, KP4B | Bốc vác | Cửa Hàng Xe Máy Trường Hải, T. Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 378 | Lê Minh Thọ | 18/1/1979 | 171688632 | TỔ 59, KP4B | Hàng rong (trái cây) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 379 | Trần Thị Hòa | 20/01/1958 | 271752442 | TỔ 3, KP4B | Lđ giúp việc gd | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|-----------|-------------|----------------------|----------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 380 | Nguyễn Văn Bình | 20/09/1985 | 186290543 | TỔ 24, KP4B | Phục vụ quán | Tổ 10, Kp4, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 381 | Nguyễn Xuân An | 24/08/1952 | 271762508 | TỔ 24, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 382 | Nông Thị Thảo | 05/04/1995 | 245270602 | TỔ 6, KP4B | Lđ trường mn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 383 | Nguyễn Ngọc Trinh | 20/08/1993 | 215238218 | TỔ 20, KP4B | Thợ bánh | Tiệm Bánh Thảo Nguyễn, Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 384 | Lê Thị Hà | 02/08/1959 | 272921179 | TỔ 20, KP4B | Hàng rong (rau) | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 385 | Trần Việt Hồng | 16/11/1981 | 024854829 | TỔ 6, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Gò Vấp, Tp.Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 386 | Nguyễn Thị Giang | 05/11/1984 | 272870201 | TỔ 6, KP4B | Hàng rong (thịt heo) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 387 | Võ Thị Ngọc | 16/06/1987 | 271932608 | TỔ 33, KP4B | Làm đẹp (nail) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 388 | Đinh Thị Lụa | 10/08/1988 | 272884163 | TỔ 20, KP4B | Quán ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 389 | Trần Thị Tuyền | 25/12/1980 | 272748547 | TỔ 49, KP4B | Hàng rong (mì quảng) | Tân Tiến, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 390 | Phạm Kiều Trinh | 10/05/1985 | 272428268 | TỔ 26, KP4B | Làm đẹp (cắt tóc) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 391 | Lê Thị Phương | 20/02/1988 | 272778284 | TỔ 42, KP4B | Lđ trường mn | Mn Thanh Thảo, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|--|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 392 | Bùi Văn Chánh | 20/10/1986 | 212749984 | TỔ 24, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 393 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 18/11/1965 | 271008876 | TỔ 44, KP4B | Nấu ăn dịch vụ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 394 | Nguyễn Thị Thủy | 05/03/1983 | 163316176 | TỔ 5, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 395 | Đoàn Công Thành | 04/09/1974 | 272748546 | TỔ 49, KP4B | Hàng rong (mì quảng) | Tân Tiến, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 396 | Phạm Văn Phở | 15/09/1981 | 038081012168 | TỔ 12, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 397 | Nguyễn Trường Sơn | 1988 | 363741324 | TỔ 24, KP4B | Bốc vác | Long Bình, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 398 | Đỗ Thị Huyền | 16/06/1985 | 272280317 | TỔ 49, KP4B | Bán hàng rong dừa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 399 | Lê Thị Phương | 02/02/1996 | 187578784 | TỔ 12, KP4B | Bảo mẫu | Mầm Non, Tân Trĩ
Đạt.Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 400 | Nguyễn Ngọc Lưu | 03/06/1969 | 172419190 | TỔ 26, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 401 | Đặng Ngọc Thiện | 30/04/1983 | 272871891 | TỔ 19, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 402 | Nguyễn Thế Hưởng | 25/05/1978 | 272944009 | TỔ 54, KP4B | Bốc vác | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 403 | Hán Duy Tông | 22/02/1964 | 272966030 | TỔ 60, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 404 | Dặng Văn Trường | 03/01/1983 | 034083002448 | TỔ 54, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 405 | Dương Xuân Thịnh | 10/05/1965 | 272143245 | TỔ 17, KP4B | Bán đồ nướng lòng heo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 406 | Bùi Quốc Huy | 05/11/1978 | 271416703 | TỔ 31, KP4B | Giao hàng gas than | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 407 | Nguyễn Tiến Thông | 01/01/1990 | 272248852 | TỔ 20, KP4B | Nhân viên massage | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 408 | Nguyễn Như Dũng | 10/10/1959 | 046059000061 | TỔ 35, KP4B | Bán cả viên chiên | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 409 | Đinh Ngọc Khải | 24/11/1985 | 371102914 | TỔ 39, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 410 | Nguyễn Thị Huyền | 01/01/1956 | 270868044 | TỔ 49, KP4B | Gom rác phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 411 | Lê Bích Huỳnh | 07/06/1993 | 301509986 | TỔ 24, KP4B | Bán trái cây dạo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 412 | Lê Hồng Huân | 31/08/1980 | 272424028 | TỔ 42, KP4B | Giao hàng thuốc tây | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 413 | Trần Thị Ngọc Huyền | 08/09/1988 | 212684238 | TỔ 3, KP4B | Thu gom rác | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 414 | Phan Thị Thân | 10/10/1985 | 183204741 | TỔ 26, KP4B | Cắt tóc nữ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 415 | Thiều Quốc Toàn | 10/08/1974 | 271395907 | TỔ 57, KP4B | Phụ bán cafe | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|-----------|-------------|----------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 416 | Trần Anh Tuấn | 18/05/1977 | 272681401 | TỔ 57, KP4B | Chạy xe công nghệ | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 417 | Phạm Anh Vũ | 18/02/1983 | 271698149 | TỔ 57, KP4B | Nhân viên phục vụ | Karaoke Thủy Dương, Tam Hiệp, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 418 | Nguyễn Thị Nguyệt | 1946 | 351400674 | TỔ 57, KP4B | Bán vé số dạo | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 419 | Nguyễn Thị Tươi | 1983 | 351711417 | TỔ 17, KP4B | Bán vé số dạo | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 420 | Nguyễn Kim Hoàn | 03/06/1973 | 186135412 | TỔ 36, KP4B | Bán hàng rong rau củ | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 421 | Nguyễn Xuân Sỹ | 03/03/1983 | 271517225 | TỔ 37, KP4B | Xe ôm | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 422 | Lê Văn Châu | 1980 | 365890971 | TỔ 38, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 423 | Nguyễn Cao Sơn | 19/05/1967 | 271829808 | TỔ 38, KP4B | Xe ôm công nghệ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 424 | Trịnh Thế Anh | 05/08/2003 | 276041610 | TỔ 38, KP4B | Bán bán cafe | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 425 | Võ Thị Vân | 07/05/1990 | 272939672 | TỔ 32, KP4B | Bán hàng nhỏ lẻ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 426 | Đinh Văn Giảng | 14/11/1982 | 272749242 | TỔ 21, KP4B | Cắt tóc | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 427 | Lại Thị Hiền | 1967 | 272456569 | TỔ 21, KP4B | Bán xôi dạo | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|-----------|-------------|------------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 428 | Vũ Thị Kiều Loan | 01/03/1993 | 272456641 | TỔ 21, KP4B | Bán rêu câu đạo | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 429 | Nguyễn Thị Thảo | 02/04/1962 | 276071757 | TỔ 21, KP4B | Giúp việc gia đình | Trình Hoài Đức, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 430 | Đào Thanh Hòa | 23/12/1980 | 272717736 | TỔ 58, KP4B | Bán hàng rong | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 431 | Lê Thị Thủy | 12/07/1992 | 174072315 | TỔ 24, KP4B | Bán hàng rong trái cây | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 432 | Lê Thị Thu Thảo | 08/10/1990 | 173611018 | TỔ 26, KP4B | Bán hàng rong rau | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 433 | Vô Kim Quý | 18/12/1998 | 221461253 | TỔ 27, KP4B | Lđ trường mn | Trường Mn Hoàng Oanh II, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 434 | Nguyễn Văn Minh | 01/12/1990 | 272238487 | TỔ 33, KP4B | Bán trà sữa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 435 | Phan Thị Phụng | 01/01/1961 | 271904052 | TỔ 44, KP4B | Dan lát dây nhựa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 436 | Đào Thị Miên | 1981 | 271457146 | TỔ 44, KP4B | Làm đẹp, cắt tóc | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 437 | Hoàng Xuân Tôn | 12/06/1980 | 182551619 | TỔ 44, KP4B | Bán hàng rong | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 438 | Lê Đình Minh | 12/08/1984 | 272501864 | TỔ 58, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 439 | Phan Đình Hiền | 04/09/1991 | 187039248 | TỔ 58, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|---------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 440 | Lê Trọng Hùng | 14/02/1995 | 187412742 | TỔ 58, KP4B | Bốc vác vật liệu xây dựng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 441 | Lê Trọng Châu | 22/12/1969 | 182153556 | TỔ 58, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 442 | Nguyễn Tri Phương | 01/09/1972 | 272678007 | TỔ 60, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 443 | Lê Thị Hà | 06/02/1984 | 272959694 | TỔ 47, KP4B | Bán nước mía | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 444 | Ngô Thị Nguyệt | 10/10/1986 | 183569754 | TỔ 1, KP4B | Cắt tóc | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 445 | Nguyễn Thị Hồng | 28/03/1973 | 272835940 | TỔ 6, KP4B | Mua ve chai | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 446 | Nguyễn Thị Diệu Hiền | 26/09/1992 | 231449183 | TỔ 8, KP4B | Mua phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 447 | Nguyễn Văn Hưng | 08/10/1968 | 271720092 | TỔ 8, KP4B | Mua phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 448 | Nguyễn Thế Tài | 01/01/1973 | 271126798 | TỔ 36, KP4B | Bốc vác | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 449 | Nguyễn Văn Long | 1986 | 272287389 | TỔ 09, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 450 | Trần Xuân Lợi | 23/11/1972 | 271009675 | TỔ 16, KP4B | Bán nước rong | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 451 | Cao Văn Cảnh | 16/05/1982 | 276129301 | TỔ 18, KP4B | Bán nhỏ lẻ ốc nông | Long Bình, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------------|------------|-----------|-------------|---------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 452 | Lê Đình Tỷ | 16/08/1996 | 174150599 | TỔ 11, KP4B | Chạy xe ba gác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 453 | Phạm Văn Khanh | 20/10/1982 | 182527356 | TỔ 16, KP4B | Bốc vác phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 454 | Lê Duy Phương | 05/10/1977 | 272229533 | TỔ 10, KP4B | Xe ôm | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 455 | Hoàng Phạm Thanh Huyền | 28/06/1997 | 272769832 | TỔ 8, KP4B | Giúp việc gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 456 | Bùi Hữu Tài | 16/10/1988 | 272965422 | TỔ 7, KP4B | Chạy xe công nghệ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 457 | Phan Thị Mai Loan | 25/11/1967 | 270688381 | TỔ 7, KP4B | Giúp việc gia đình | Thống Nhất, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 458 | Quách Thị Huệ | 07/08/1995 | 174770780 | TỔ 53, KP4B | Buôn bán hàng rong rau củ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 459 | Nguyễn Minh Hồng | 19/11/1975 | 272535456 | TỔ 60, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 460 | Hoàng Soi | 04/05/1989 | 186779246 | TỔ 17, KP4B | Chạy xe ba gác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 461 | Nguyễn Văn Tú | 08/02/1983 | 276003154 | TỔ 17, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 462 | Lê Thị Thế Anh | 20/12/1991 | 276079210 | TỔ 17, KP4B | Giáo viên dạy aerobic | Thới An, Q12, HCM | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 463 | Trần Thị Kim Minh | 25/07/1974 | 272806786 | TỔ 17, KP4B | Bán vé số | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|-----------|-------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 464 | Hà Tấn Bộ | 06/10/1961 | 210978967 | TỔ 17, KP4B | Buôn bánh trắng trộn | Tân Thành, Tân Phú, Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 465 | Lê Thị Chính | 1966 | 271217706 | TỔ 17, KP4B | Bán bánh xèo | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 466 | Hồ Sỹ Hoàng | 16/03/1981 | 276069214 | TỔ 17, KP4B | Phụ bếp nhà hàng hoa viên | Nhà Hàng Hoa Viên, Tân Hạnh, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 467 | Lê Viết Nguyễn Hoài | 26/02/1977 | 271290236 | TỔ 17, KP4B | Bán hủ tiếu gỗ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 468 | Dương Thị Hào | 20/02/1979 | 272610131 | TỔ 17, KP4B | Bán hủ tiếu gỗ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 469 | Trần Văn Phụng | 03/12/1969 | 272806785 | TỔ 17, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 470 | Đinh Thị Hương | 19/03/1981 | 272945576 | TỔ 17, KP4B | Buôn bán trái cây | Tân Phong, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 471 | Nguyễn Thị Đức | 20/03/1963 | 210318049 | TỔ 17, KP4B | Bán bánh trắng trộn | Tân Thành, Tân Phú, Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 472 | Ngô Minh Nam | 10/10/1983 | 271502711 | TỔ 17, KP4B | Nhân viên quán cafe | Quán 199, Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 473 | Nguyễn Đình Luật | 03/02/1978 | 183137551 | TỔ 17, KP4B | Cắt tóc | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 474 | Đào Minh Đức | 1959 | 271029311 | TỔ 17, KP4B | Bán bánh xèo | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 475 | Nguyễn Thị Hương | 10/04/1982 | 272269805 | TỔ 17, KP4B | Nhân viên quán cafe | Quán 199, Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 476 | Ngô Văn Long | 22/06/1957 | 272536099 | TỔ 34, KP4B | Xe ôm | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 477 | Lê Đức Thuận | 10/4/1979 | 271160265 | TỔ 6, KP4B | Xe ôm chở hàng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 478 | Nguyễn Ngọc Diệu Hiền | 01/11/1995 | 272409941 | TỔ 19, KP4B | Phụ quán ăn | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 479 | Nguyễn Thị Ngọc Tiên | 28/06/1999 | 272835042 | TỔ 19, KP4B | Bán bánh mì | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 480 | Cao Vũ Tuấn | 12/07/1971 | 272778875 | TỔ 12, KP4B | Xe ôm | Tân Phong, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 481 | Bùi Văn Tùng | 08/02/1981 | 272969204 | TỔ 17, KP4B | Buôn bán trái cây | Tân Phong, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 482 | Phạm Văn Hiệp | 10/03/1975 | 173746927 | TỔ 11, KP4B | Chạy xe ba gác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 483 | Trịnh Tuấn Anh | 14/12/1986 | 271801497 | TỔ 11, KP4B | Bán hàng rong trái cây | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 484 | Nguyễn Đức Song Toàn | 03/01/1994 | 272234757 | TỔ 38, KP4B | Bốc vác | Tân Biên, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 485 | Đào Văn Thụ | 10/02/1973 | 272616234 | TỔ 16, KP4B | Mua phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 486 | Đào Thị Minh Thủy | 28/11/1983 | 271603107 | TỔ 16, KP4B | Buôn bán trái cây dạo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 487 | Trần Thị Ngát | 01/01/1978 | 036178006341 | TỔ 12, KP4B | Buôn bán nhỏ lẻ rau | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------|--|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 488 | Cao Văn Minh | 07/09/1999 | 036099002546 | TỔ 12, KP4B | Cắt tóc | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 489 | Hoàng Thị Dung | 10/08/1973 | 186454562 | TỔ 58, KP4B | Bán hàng rong rau củ | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 490 | Lê Vũ Linh | 09/10/1991 | 381732284 | TỔ 33, KP4B | Bốc vác vlxđ | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 491 | Nguyễn Thị Thương | 02/09/1991 | 276099802 | TỔ 19, KP4B | Nhân viên mầm non | Trường Mn Trí Đạt 2, Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 492 | Trịnh Thị Hoa | 05/05/1989 | 038189001583 | TỔ 18, KP4B | Mua phế liệu | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 493 | Hoàng Thị Thủy Ngân | 11/02/2000 | 231232683 | TỔ 28, KP4B | Bán hàng rong nem chả | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 494 | Vũ Thị Bích Thủy | 09/11/1968 | 270805934 | TỔ 28, KP4B | Phụ bán quán cơm | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 495 | Phạm Thị Kim Cúc | 01/10/1995 | 163299480 | TỔ 28, KP4B | Cấp dưỡng | Trường Mn Ngọc Hoàng, Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 496 | Nguyễn Thị Hương | 22/03/1987 | 024808239 | TỔ 19, KP4B | Chăm sóc và làm đẹp | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 497 | Lê Thị Thắm | 10/8/1960 | 150296573 | TỔ 12, KP4B | Nhặt ve chai | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 498 | Nguyễn Thị Nguyệt | 01/06/1969 | 038169002913 | TỔ 13, KP4B | Thu mua ve chai | Tràng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 499 | Vũ Mạnh Linh | 22/09/1990 | 276112819 | TỔ 24, KP4B | Bốc vác | Tân Tiến, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|--------------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 500 | Trần Thị Thúy Lan | 01/09/1996 | 272502474 | TỔ 52, KP4B | Giáo viên mầm non | Trường Mầm non Thanh Thảo, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 501 | Dặng Văn Quốc | 19/10/1969 | 270876858 | TỔ 13, KP4B | Xe ôm | Tân Mai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 502 | Phạm Thị Thanh Hương | 20/07/1984 | 271744578 | TỔ 11, KP4B | Bán quần cơm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 503 | Nguyễn Yến Lý | 26/06/1987 | 271860554 | TỔ 11, KP4B | Phục vụ quán ăn | Hiệp Hòa, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 504 | Nguyễn Văn Trọng | 22/11/1993 | 183882566 | TỔ 11, KP4B | Chạy xe công nghệ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 505 | Nguyễn Văn Trung | 16/04/1989 | 276128602 | TỔ 24, KP4B | Bốc vác | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 506 | Cao Văn Hiền | 08/07/1981 | 272974436 | TỔ 11, KP4B | Cắt tóc | Hóa An, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 507 | Nguyễn Thị Ngọc Loan | 19/09/1967 | 270760076 | TỔ 11, KP4B | Phục vụ quán ăn | Hiệp Hòa, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 508 | Nguyễn Thanh Tịnh | 15/08/1964 | 380649726 | TỔ 5, KP4B | Giao hàng nước xe 2 bánh | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 509 | Trần Thị Liên | 02/03/1984 | 271572478 | TỔ 42, KP4B | Giáo viên mầm non | Nhóm Trẻ Lan Anh, Tân Biên, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 510 | Đỗ Ngọc Ánh | 01/01/1960 | 272298190 | TỔ 6, KP4B | Buôn bán nhỏ lẻ lòng heo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 511 | Doãn Thị Yến | 16/06/1996 | 272940865 | TỔ 6, KP4B | Hàng rong (rau) củ quả | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 512 | Nguyễn Thị Vòng | 20/07/1974 | 272896199 | TỔ 6, KP4B | Buôn hàng rong (rau) nhỏ lẻ | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 513 | Nguyễn Thị Phương | 19/08/1982 | 276033211 | TỔ 6, KP4B | Phụ quán phở | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 514 | Đỗ Văn Ninh | 10/10/1979 | 276069122 | TỔ 42, KP4B | Bán hộp súp, hộp nhựa | Cù Vấp, Tp.Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 515 | Lê Thị Cường | 07/10/1970 | 184228083 | TỔ 42, KP4B | Bán bánh ướt chả giò | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 516 | Lê Quang Trung | 08/02/1986 | 197150712 | TỔ 50, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 517 | Đặng Duy Khánh | 01/01/1985 | 271732861 | TỔ 50, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 518 | Vũ Văn Thuận | 11/11/1974 | 070532495 | TỔ 50, KP4B | Sơn nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 519 | Nguyễn Tiến Dũng | 02/04/1975 | 001075024006 | TỔ 50, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 520 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 30/01/1985 | 272834163 | TỔ 50, KP4B | Gia công lồng mì già | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 521 | Nguyễn Anh Tú | 26/07/1983 | 272466026 | TỔ 50, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 522 | Nguyễn Văn Lưu | 09/07/1982 | 038082020788 | TỔ 50, KP4B | Buôn bán quần áo nhỏ lẻ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 523 | Phạm Văn Thái | 16/08/1982 | 272780383 | TỔ 50, KP4B | Thợ sơn nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

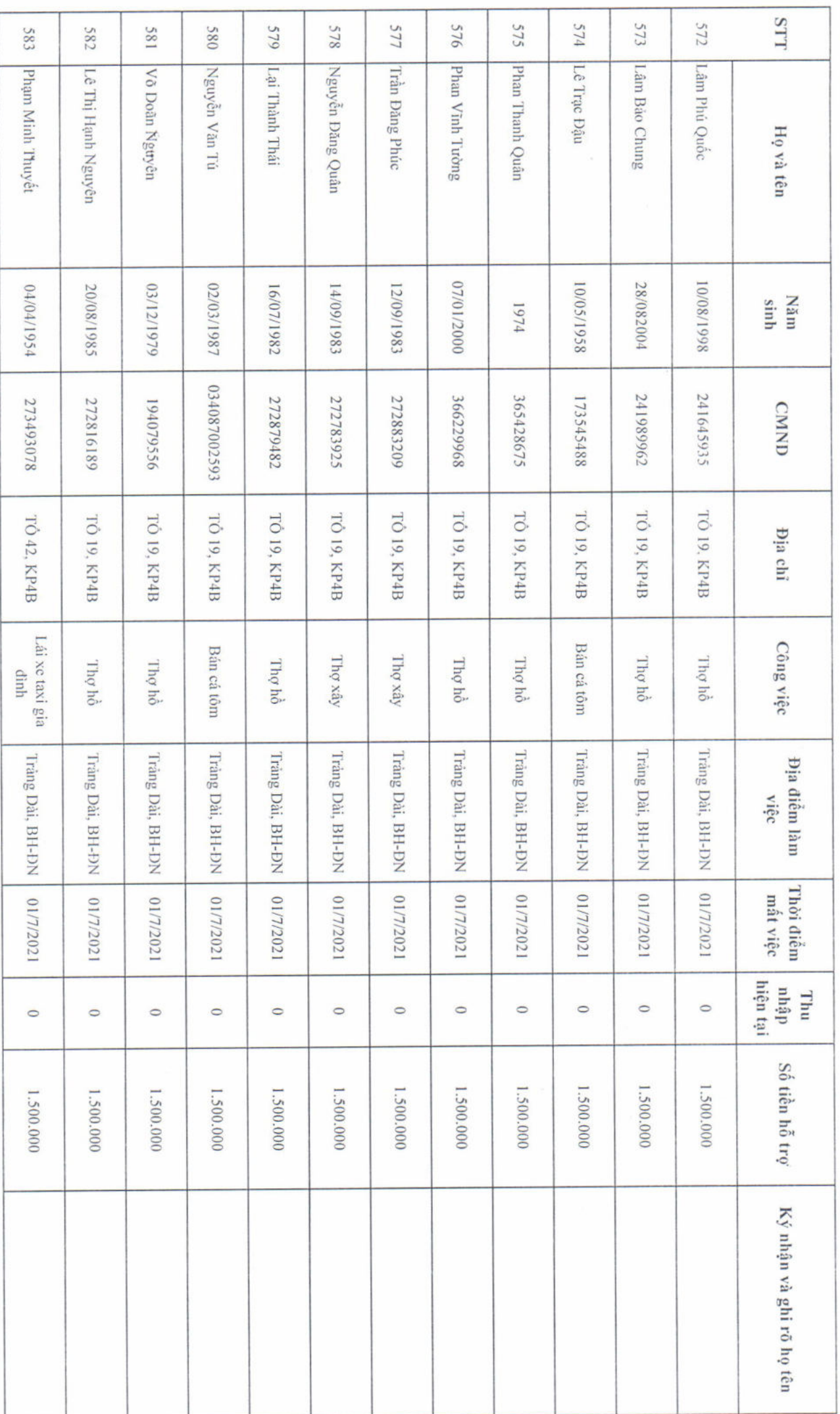


| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|---------------------|-----------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 524 | Nguyễn Cảnh Quang | 05/09/1979 | 272779963 | TỔ 60, KP4B | Lái xe | Doanh Nghiệp Tư Nhân Xã Thiện Tân | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 525 | Phạm Văn Dũng | 30/08/1986 | 276085748 | TỔ 60, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 526 | Lưu Văn Dũng | 02/09/1984 | 272870722 | TỔ 60, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 527 | Nguyễn Văn Cường | 04/06/1986 | 183461625 | TỔ 60, KP4B | Cơ khí xây dựng | Hố Nai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 528 | Nguyễn Doãn Biên | 20/08/1975 | 272748192 | TỔ 60, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 529 | Vũ Minh Tiến | 11/10/1981 | 271866847 | TỔ 60, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 530 | Lê Văn Sùng | 06/06/1983 | 172936587 | TỔ 60, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 531 | Nguyễn Khắc Cảnh | 12/02/1982 | 183328318 | TỔ 60, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 532 | Nguyễn Sỹ Thiện | 20/10/1980 | 272535766 | TỔ 60, KP4B | Hàn xì và thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 533 | Nguyễn Đăng Thành Đạt | 17/04/2002 | 276009592 | TỔ 41, KP4B | Lái xe tải chở hàng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 534 | Vũ Thành Văn | 05/05/1986 | 276036141 | TỔ 41, KP4B | Bò mỗi thịt bò | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 535 | Nguyễn Xuân Thành | 10/10/1970 | 272843026 | TỔ 41, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------|------------|-----------|-------------|------------------|---------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 536 | Chu Thị Cúc | 16/02/1985 | 272939441 | H1 | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 537 | Chu Đức Dũng | 17/12/1981 | 182380566 | TỔ 41, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 538 | Tạ Công Được | 18/08/1980 | 211747336 | TỔ 41, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 539 | Nguyễn Thị Lưu | 22/01/1969 | 270751572 | TỔ 41, KP4B | Dọn vệ sinh | Trường Dục Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 540 | Bùi Thái Huê | 03/02/1997 | 272885197 | TỔ 41, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 541 | Hoàng Tiến Dũng | 24/01/1984 | 271679445 | TỔ 41, KP4B | Bốc vác | Tân Phong, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 542 | Nguyễn Đức Hiền | 30/07/1958 | 270640109 | TỔ 41, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 543 | Phan Thanh Việt | 1975 | 385542212 | TỔ 41, KP4B | Xây dựng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 544 | Nguyễn Văn Đào | 1971 | 270910125 | TỔ 41, KP4B | Xây dựng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 545 | Trần Văn Hùng | 05/10/1987 | 272687340 | TỔ 41, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 546 | Đoàn Văn Dương | 15/03/1974 | 272807070 | TỔ 41, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 547 | Nguyễn Thị Hồi | 17/08/1988 | 276128518 | TỔ 41, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 548 | Nguyễn Thị Bình | 08/12/1983 | 276077668 | TỔ 41, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 549 | Nguyễn Hữu Long | 05/03/1981 | 276077667 | TỔ 41, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 550 | Vũ Xuân Hương | 04/10/1980 | 272759743 | TỔ 41, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 551 | Nguyễn Hữu Dương | 20/06/1997 | 272669286 | TỔ 41, KP4B | Bán quần áo | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 552 | Trần Thị Ngoan | 04/10/1972 | 272993792 | TỔ 41, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 553 | Trần Huy Hữu | 08/03/1976 | 079076003310 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 554 | Nguyễn Duy Nhất | 07/04/1989 | 241328763 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 555 | Nguyễn Hữu Thắng | 27/07/1983 | 038083002188 | TỔ 19, KP4B | Làm hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 556 | Nguyễn Thị Kim Chi | 14/12/1963 | 270141169 | TỔ 19, KP4B | Rửa chén, phụ bếp | Nhà Hàng Goldenpalace | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 557 | Nguyễn Mộng Ba | 10/05/1984 | 186146076 | TỔ 19, KP4B | Tài xế máy đào | Vĩnh Tân, Tuy Phong, Bình Thuận | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 558 | Nguyễn Thị Ngo | 20/10/1954 | 272815034 | TỔ 19, KP4B | Buôn hàng rong (rau) quả | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 559 | Nguyễn Trung Kiên | 04/09/1979 | 171866924 | TỔ 19, KP4B | Lái xe tải | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 560 | Nguyễn Văn Quyền | 02/06/193 | 272498909 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 561 | Lê Duy Khương | 19/06/1986 | 135336529 | TỔ 19, KP4B | Lái xe chở hàng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 562 | Nguyễn Công Nghĩa | 14/10/1964 | 270154415 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 563 | Nguyễn Công Dũng | 19/09/1978 | 271344613 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 564 | Trần Đức Văn | 11/12/1983 | 034083009875 | TỔ 19, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 565 | Nguyễn Trọng Hoàng | 16/04/1983 | 271506590 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 566 | Trương Trọng Hoàn | 12/10/1972 | 272498071 | TỔ 19, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 567 | Nguyễn Công Minh | 08/10/1957 | 270002208 | TỔ 19, KP4B | Dọn vệ sinh | Trường Mầm Non Tam Hòa, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 568 | Nguyễn Văn Nhân | 18/11/1974 | 272974929 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 569 | Nguyễn Văn Thức | 08/11/1974 | 272989023 | TỔ 19, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 570 | Lê Thị Hồng | 24/11/1990 | 173548080 | TỔ 19, KP4B | Bán cá tôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 571 | Phạm Thị Cơ | 01/01/1978 | 241066329 | TỔ 19, KP4B | Bán vé số | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 584 | Phạm Văn Anh | 20/01/1996 | 038096002676 | TỔ 42, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 585 | Lưu Toàn Định | 01/12/1989 | 312010192 | TỔ 42, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 586 | Trương Thị Tám | 15/07/1978 | 212550919 | TỔ 42, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 587 | Nguyễn Văn Dương | 11/12/1987 | 036087007460 | TỔ 42, KP4B | Lái xe chở hàng | Tam Hòa, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 588 | Phạm Thị Huyền | 30/06/1988 | 162964305 | TỔ 42, KP4B | Bán quần áo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 589 | Lê Sỹ Hùng | 12/07/1981 | 183364822 | TỔ 42, KP4B | Cơ khí xây dựng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 590 | Trần Nguyễn Vũ | 25/02/1980 | 271416957 | TỔ 42, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 591 | Mai Văn Hạnh | 15/02/1975 | 276128066 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 592 | Phạm Văn Cu | 15/11/1969 | 272530337 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 593 | Lưu Thị Hoàn | 20/07/1980 | 272599973 | TỔ 3, KP4B | Bán hàng rau nhỏ lẻ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 594 | Vũ Thị Thanh Hà | 12/06/1986 | 272917565 | TỔ 3, KP4B | Buôn hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 595 | Phạm Văn Tĩnh | 06/08/1972 | 272466760 | TỔ 3, KP4B | Bán hàng rau nhỏ lẻ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|-----------|------------|-----------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 596 | Lê Văn Thủy | 20/08/1976 | 272646371 | TỔ 3, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 597 | Lê Thị Xuân | 07/10/1983 | 241767814 | TỔ 3, KP4B | Máy giặt công quần áo | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 598 | Phạm Thành Quân | 24/08/1992 | 272207556 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 599 | Hoàng Khắc Công | 10/10/1972 | 272536283 | TỔ 3, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 600 | Vũ Văn Thái | 07/03/1982 | 245105567 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 601 | Nguyễn Xuân Kỳ | 20/06/1985 | 272309143 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 602 | Nguyễn Văn Tuyển | 1979 | 162760383 | TỔ 3, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 603 | Nguyễn Hữu Phú | 23/10/1986 | 261080070 | TỔ 3, KP4B | Điện lạnh | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 604 | Phan Thị Dung | 01/01/1977 | 381811498 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 605 | Lê Ngọc Sang | 26/08/1973 | 380741858 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 606 | Nguyễn Huy Trí | 10/03/1991 | 272247443 | TỔ 3, KP4B | Sơn nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 607 | Vũ Văn Tâm | 01/04/1985 | 272993650 | TỔ 3, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 608 | Nguyễn Tiến Dũng | 02/12/1981 | 272611744 | TỔ 3, KP4B | Bán xôi | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 609 | Lê Văn Long | 08/06/1988 | 271890399 | TỔ 3, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 610 | Trần Thị Dẫn | 08/09/1974 | 090766014 | TỔ 22, KP4B | Buôn hàng rong (rau) quả | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 611 | Thị Diễm | 16/10/1999 | 371849735 | TỔ 22, KP4B | Thợ phụ uốn tóc | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 612 | Nguyễn Văn Thắng | 19/05/1996 | 272698793 | TỔ 22, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 613 | Nguyễn Thị Nghĩa | 10/11/1993 | 276100691 | TỔ 22, KP4B | Bán hàng rong rau | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 614 | Lê Văn Biên | 12/01/1988 | 142484872 | TỔ 22, KP4B | Cơ khí chuyên sản xuất cửa | Thiện Tân, Vĩnh Cửu, Dn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 615 | Nguyễn Duy Sang | 1991 | 264503651 | TỔ 22, KP4B | Làm sắt | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 616 | Nguyễn Duy Sáng | 12/03/1996 | 273634278 | TỔ 22, KP4B | Làm nhôm | Cửa Hàng Hoàng Hải, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 617 | Phan Nhật Tài | 05/07/1995 | 272500548 | TỔ 22, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 618 | Phạm Văn Thôi | 1967 | 340562508 | TỔ 22, KP4B | Lái xe khách | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 619 | Phan Nhật Nam | 15/04/1996 | 272500547 | TỔ 22, KP4B | Thợ xây | Hố Nai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------|------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 620 | Thạch Thị Ngọc Ánh | 06/08/1960 | 271990073 | TỔ 22, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 621 | Trần Minh Tâm | 25/1/1998 | 225699678 | TỔ 22, KP4B | Bán trái cây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 622 | Trần Thị Huyền Trang | 26/03/2001 | 225693578 | TỔ 22, KP4B | Bán trái cây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 623 | Trần Đình Thành | 06/09/1966 | 225376251 | TỔ 22, KP4B | Bán trứng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 624 | Phạm Thị Bích Trâm | 28/02/1992 | 225542900 | TỔ 22, KP4B | Bán trái cây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 625 | Trần Thị Lý | 1987 | 225376252 | TỔ 22, KP4B | Bán hàng rong rau củ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 626 | Trần Đình Tuấn | 10/12/1992 | 225528700 | TỔ 22, KP4B | Bán hàng rong rau củ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 627 | Trần Thị Ngọc Tuyết | 1972 | 264503167 | TỔ 22, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 628 | Nguyễn Duy Sơn | 25/02/1968 | 264408540 | TỔ 22, KP4B | Lâm mộc | Tân Biên, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 629 | Võ Thị Tâm | 1961 | 311910000 | TỔ 22, KP4B | Mua ve chai | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 630 | Nguyễn Minh Thanh | 1985 | 311799978 | TỔ 22, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 631 | Trần Văn Thán | 28/02/1972 | 001072005527 | TỔ 22, KP4B | Lái xe 7 chỗ chở khách | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 632 | Nguyễn Thị Lá | 26/10/1954 | 285556290 | TỔ 22, KP4B | Bán hàng rong bánh lá | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 633 | Võ Thị Hiền | 10/04/1989 | 354787395 | TỔ 22, KP4B | Bán nước cho học sinh | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 634 | Nguyễn Phúc Huy | 04/08/2000 | 272768635 | TỔ 22, KP4B | Pha chế các loại nước uống | Tân Biên, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 635 | Trần Công Bình | 1983 | 271503309 | TỔ 22, KP4B | Hàng rong (rau) củ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 636 | Nguyễn Thành Đồng | 10/09/1995 | 272449698 | TỔ 22, KP4B | Lái xe công nghệ 2 bánh | Ahamove | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 637 | Tiên Re | 10/10/2000 | 371902335 | TỔ 22, KP4B | Lơ xe chở hàng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 638 | Nguyễn Hữu Sinh | 25/10/1986 | 272945498 | TỔ 22, KP4B | Phụ xe tải chở hàng | Hố Nai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 639 | Đặng Ngọc Nam | 17/11/1982 | 186506537 | TỔ 22, KP4B | May ruột gối tại nhà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 640 | Hoàng Thị Nhung | 22/7/1979 | 272973041 | TỔ 22, KP4B | May ruột gối tại nhà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 641 | Trần Công An | 01/01/1977 | 285140928 | TỔ 22, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 642 | Trịnh Trung Hiếu | 25/05/1989 | 371255689 | TỔ 22, KP4B | Phụ xe | Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 643 | Trương Minh Tuyền | 09/01/1986 | 285177270 | TỔ 22, KP4B | Làm tóc | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|--------------|-------------|--------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 656 | Phan Văn Cường | 07/03/1987 | 036087014869 | TỔ 57, KP4B | Thợ điện tự do | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 657 | Trần Bá Thắng | 15/08/1977 | 272937186 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 658 | Nguyễn Hữu Dương | 10/01/1983 | 272816665 | TỔ 57, KP4B | Lái xe tải chờ hàng thuê | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 659 | Trần Sỹ Nam | 14/05/1984 | 276002352 | TỔ 57, KP4B | Thợ hàn | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 660 | Lê Khắc Toàn | 20/08/1989 | 038089004976 | TỔ 57, KP4B | Sơn nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 661 | Nguyễn Thị Hà | 05/08/1976 | 272647627 | TỔ 57, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 662 | Lê Khắc Tuấn | 07/10/1987 | 038087006627 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 663 | Nguyễn Văn Vượng | 28/08/1981 | 272748397 | TỔ 57, KP4B | Sửa chữa đồng hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 664 | Nguyễn Văn Hải | 19/08/1979 | 171764321 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 665 | Lê Thị Xuân | 20/11/1975 | 025770128 | TỔ 57, KP4B | Thợ may gia công | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 666 | Ninh Văn Thuận | 26/02/1976 | 272759557 | TỔ 57, KP4B | Lái xe chờ hàng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 667 | Bùi Duy Tâm | 10/05/1978 | 272677920 | TỔ 57, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|--------------|-------------|---------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 668 | Phạm Thanh Bình | 30/11/2004 | 276057767 | TỔ 57, KP4B | Làm hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 669 | Phan Văn Phong | 20/10/1974 | 183535080 | TỔ 57, KP4B | Làm hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 670 | Phạm Đình Dương | 15/05/1976 | 272993142 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 671 | Phạm Đình Minh | 04/05/1998 | 272716355 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 672 | Trần Phúc Luân | 02/02/1983 | 272783587 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 673 | Trần Đình Hải | 01/04/1988 | 186847097 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 674 | Nguyễn Văn Hùng | 19/05/1989 | 276128146 | TỔ 57, KP4B | Thợ điện dân dụng | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 675 | Nguyễn Thị Lực | 03/04/1989 | 186847277 | TỔ 57, KP4B | In thiệp cưới, hóa đơn lẻ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 676 | Lê Đình Sang | 20/05/1992 | 184012831 | TỔ 57, KP4B | Lái xe công nghệ 2 bánh | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 677 | Lê Đăng Cừ | 05/05/1991 | 042091001539 | TỔ 57, KP4B | Tài xế xe dịch vụ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 678 | Nguyễn Đức Đạt | 03/10/2005 | 276070674 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | An Bình, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 679 | Nguyễn Đức Thông | 08/12/1972 | 271076182 | TỔ 57, KP4B | Thợ cơ khí | An Bình, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------------|------------|--------------|-------------|-------------------|---------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 680 | Nguyễn Văn Sơn | 07/07/1986 | 272807335 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 681 | Đặng Quang Thắng | 02/02/1986 | 272845400 | TỔ 57, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 682 | Trần Thế Anh | 21/02/1979 | 031481198 | TỔ 57, KP4B | Thợ cơ khí | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 683 | Phạm Hồng Nguyễn | 1968 | 090514205 | TỔ 57, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 684 | Hoàng Thị Thu Hà | 6/6/1990 | 038190000741 | TỔ 8, KP4B | Giáo viên mầm non | Trường Mn Tỉnh Khôi, Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 685 | Nguyễn Ngọc Đỗ | 04/06/1991 | 163075660 | TỔ 8, KP4B | Thợ sơn nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 686 | Đinh Văn Trà | 1954 | 161604207 | TỔ 8, KP4B | Bán xôi bánh | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 687 | Trần Thị Đoàn | 1955 | 161015720 | TỔ 8, KP4B | Bán xôi bánh | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 688 | Lê Hồng Ngọc | 02/04/1979 | 271507853 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 689 | Nguyễn Ngọc Trúc Phương | 14/11/1994 | 075194020084 | TỔ 8, KP4B | Bảo mẫu | Trường Mn Tỉnh Khôi, Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 690 | Trịnh Văn Tiến | 09/01/1978 | 272349810 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Tp Hồ Chí Minh | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 691 | Trịnh Văn Diễn | 01/01/1973 | 272870816 | TỔ 8, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|------------|------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 692 | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 15/10/1971 | 270971487 | TỔ 8, KP4B | Phụ quán cơm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 693 | Lê Văn Ngọc | 18/08/1987 | 174743670 | TỔ 8, KP4B | Bán cháo lòng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 694 | Vũ Văn Ước | 22/02/1974 | 037074002542 | TỔ 8, KP4B | Làm mộc | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 695 | Phạm Văn Cường | 1974 | 352332246 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 696 | Nguyễn Minh Toàn | 01/01/1988 | 381449843 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 697 | Nguyễn Thị Chuyên | 15/11/1985 | 245412077 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 698 | Nguyễn Văn Thành | 20/12/1994 | 183142411 | TỔ 8, KP4B | Bán hạt giống | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 699 | Hà Thị Hiền | 21/08/1984 | 172363225 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 700 | Hoàng Sỹ Thanh | 17/06/1987 | 038087015986 | TỔ 8, KP4B | Thợ sơn nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 701 | Đặng Thị Cúc | 1980 | 351890374 | TỔ 8, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 702 | Cao Minh Chiến | 20/04/1984 | 206122146 | TỔ 8, KP4B | Lái xe tải | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 703 | Lê Thị Kiều Hạnh | 19/10/1970 | 270869972 | TỔ 8, KP4B | Phụ bán quán cơm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------------|------------|--------------|-------------|---------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 704 | Trần Thị Hương | 27/01/1989 | 034189007824 | TỔ 8, KP4B | Bán phở | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 705 | Nguyễn Thế Quốc | 28/07/1979 | 271328947 | TỔ 8, KP4B | Bán quán cơm | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 706 | Trần Văn Hải | 05/06/1989 | 276069917 | TỔ 29, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 707 | Đỗ Văn Láng | 16/10/1967 | 036067002533 | TỔ 29, KP4B | Thợ vẽ quảng cáo | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 708 | Phan Thanh Phong | 1986 | 272780361 | TỔ 29, KP4B | Tài xế | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 709 | Nguyễn Phạm Thanh Châu | 21/11/1978 | 271323895 | TỔ 29, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 710 | Khuu Công Thiện | 01/10/1977 | 271478345 | TỔ 29, KP4B | Thợ hồ | Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 711 | Võ Tùng Lâm | 15/06/1990 | 272097529 | TỔ 29, KP4B | Họa sĩ trang trí | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 712 | Đinh Thanh Phong | 06/06/1966 | 270608255 | TỔ 29, KP4B | Thợ hồ | Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 713 | Đinh Phương Vũ | 13/08/2000 | 272740624 | TỔ 29, KP4B | Huấn luyện viên phòng gym | Thống Nhất, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 714 | Bùi Văn Hào | 18/11/1977 | 272780971 | TỔ 29, KP4B | Thợ xây, thợ đá hoa cương | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 715 | Nguyễn Trung Tính | 1989 | 381450639 | TỔ 59, KP4B | Tài xế xe tải | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|-----------|-------------|----------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 716 | Trần Văn Vũ | 26/02/1994 | 187449446 | TỔ 59, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 717 | Lê Năng Oanh | 01/06/1983 | 276008364 | TỔ 59, KP4B | Thợ sửa chữa điện tử | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 718 | Trần Thị Thanh Thủy | 27/05/1990 | 271983488 | TỔ 59, KP4B | Bán trái cây | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 719 | Hoàng Thị Đây | 25/08/1991 | 060929605 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 720 | Lý Ngọc Yến | 30/11/1988 | 241104057 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 721 | Hoàng Văn Đông | 17/10/1995 | 061006608 | TỔ 59, KP4B | Thợ xây | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 722 | Đào Đại Nghĩa | 07/05/1998 | 272749227 | TỔ 59, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 723 | Nguyễn Thị Cúc | 19/08/1978 | 272681042 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 724 | Dương Văn Đường | 16/06/1985 | 272192940 | TỔ 59, KP4B | Thợ hồ | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 725 | Lò Thị Tinh | 06/10/1988 | 276008791 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Tràng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 726 | Hà Thị Mỹ Ngọc | 06/07/2003 | 272971903 | TỔ 59, KP4B | Làm spa | Spa Massage Hoàng Oanh, Tam Hiệp, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 727 | Trần Văn Tuấn | 15/02/1982 | 164158913 | TỔ 59, KP4B | Thợ hồ | Địa Điểm Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|--------------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 728 | Phạm Thị Phần | 13/06/1990 | 381407678 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 729 | Trần Thu Trang | 19/02/1988 | 271769626 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 730 | Bùi Thị Công | 30/08/1957 | 034157004890 | TỔ 59, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 731 | Trương Văn Minh | 20/06/1998 | 192129235 | TỔ 59, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 732 | Trần Thị Nga | 20/10/1990 | 276098700 | TỔ 59, KP4B | Sửa chữa quần áo, may đồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 733 | Nguyễn Duy Minh | 23/10/1994 | 187345141 | TỔ 59, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 734 | Nguyễn Thanh Việt | 11/11/1978 | 271777520 | TỔ 59, KP4B | Bán bánh phồng tôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 735 | Nguyễn Thị Mỹ | 01/09/1985 | 272638413 | TỔ 59, KP4B | Bán đậu phụ ngâm xoài | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 736 | Nguyễn Thị Thanh | 1968 | 212134272 | TỔ 59, KP4B | Phụ quán cơm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 737 | Trần Thị Tuyết Vân | 01/01/1961 | 270411496 | TỔ 21, KP4B | Lđ trưởng mn | Nhóm Trẻ Hiền Đức, Tân Phong, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 738 | Lưu Đức Vương | 26/09/1985 | 272991796 | TỔ 21, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 739 | Hoàng Thị Tô | 1976 | 162225772 | TỔ 21, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------|--|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 740 | Trương Quang Hiệp | 20/03/1987 | 276050172 | TỔ 21, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 741 | Trần Hữu Nhật | 01/02/1995 | 205857834 | TỔ 21, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 742 | Nguyễn Thị Ngọc Lý | 20/12/1998 | 272595448 | TỔ 21, KP4B | Phục vụ quán | Tocotoco, Hố Nai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 743 | Nguyễn Thị Thủy | 30/10/1987 | 025895794 | TỔ 21, KP4B | Hàng rong (rau) | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 744 | Đỗ Văn Lân | 14/10/1958 | 272584349 | TỔ 21, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 745 | Vũ Thị Hương Lan | 01/10/1990 | 091190000745 | TỔ 21, KP4B | Lđ trường mn | Trường Mn Tr Á Châu, Hội Nghĩa, Tân Uyên, Bđ | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 746 | Nguyễn Thị Thu Yến | 1968 | 371301030 | TỔ 21, KP4B | Giúp việc gia đình | Điện Máy Sao Mai I | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 747 | Từ Anh Vũ | 21/1/1996 | 241514899 | TỔ 21, KP4B | Lái xe | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 748 | Nguyễn Hoài Hận | 01/01/1990 | 363316126 | TỔ 21, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 749 | Nguyễn Thị Lan Hương | 02/09/2002 | 251307496 | TỔ 21, KP4B | Bán gà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 750 | Khuất Văn Dũng | 22/09/1990 | 112242388 | TỔ 21, KP4B | Lắp ráp gia công kính | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 751 | Lý Thế Vinh | 29/10/1967 | 272688595 | TỔ 21, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------------|------------|--------------|-------------|------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 752 | Phạm Đức Trí | 10/10/1984 | 272677147 | TỔ 21, KP4B | Lái xe | Tam Hòa, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 753 | Đinh Ngọc Linh | 27/03/1996 | 037096001203 | TỔ 21, KP4B | Bán gà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 754 | Nguyễn Thế Tinh | 04/01/1974 | 272969641 | TỔ 40, KP4B | Tài xế xe tải | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 755 | Nguyễn Kim Sơn | 05/11/1968 | 111935479 | TỔ 40, KP4B | Tài xế xe tải | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 756 | Chu Thị Liên | 13/03/1985 | 008185000323 | TỔ 40, KP4B | Bán trứng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 757 | Nguyễn Xuân Thành | 15/07/1981 | 182495741 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 758 | Lê Thị Hiền | 02/01/1983 | 276077949 | TỔ 40, KP4B | Công nhân cơ khí | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 759 | Nguyễn Đỗ Thương Trường | 10/08/1995 | 225880152 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 760 | Lê Thị Thu Vân | 20/11/1973 | 271114934 | TỔ 40, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 761 | Đặng Bảo Sơn | 20/10/1969 | 271818105 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 762 | Hoàng Minh Trỗi | 25/8/1981 | 186069314 | TỔ 40, KP4B | Thợ may tại nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 763 | Vân Đình Đồng | 18/02/1979 | 030079003920 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|--------------|-------------|-------------------|---------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 764 | Vò Tấn Lực | 20/01/1977 | 271238747 | TỔ 40, KP4B | Bán cơm chiên | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 765 | Tạ Văn Nai | 26/11/1983 | 271685203 | TỔ 40, KP4B | Xe ôm | Big C Tân Hiệp, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 766 | Nguyễn Thị Cươn | 01/10/1965 | 184087931 | TỔ 40, KP4B | Cấp dưỡng | Trường Mn Tỉnh Khố, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 767 | Lê Cao Mẫn | 20/10/1963 | 272269757 | TỔ 40, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 768 | Đoàn Thị Lý | 02/12/1990 | 272095697 | TỔ 40, KP4B | Gia công hàng may | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 769 | Nguyễn Văn Mậu | 20/06/1985 | 162748086 | TỔ 40, KP4B | Quét dọn | Kdl Hồ Bơi Tầm Đàng, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 770 | Trần Qua | 06/06/1974 | 191349739 | TỔ 40, KP4B | Làm hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 771 | Lê Văn Cư | 19/05/1956 | 171827184 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 772 | Nguyễn Duy Thức | 02/06/1981 | 037081001985 | TỔ 40, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 773 | Nguyễn Văn Chính | 01/05/1985 | 060699686 | TỔ 40, KP4B | Son nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 774 | Bùi Xuân Hải | 24/04/1992 | 212144107 | TỔ 26, KP4B | Bán hàng rong rau | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 775 | Nguyễn Tuấn Anh | 14/01/1977 | 164047003 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|---------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 776 | Lê Thanh Tùng | 01/01/1977 | 271756954 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 777 | Lê Trọng Thuyết | 12/10/1963 | 170678129 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 778 | Lê Trọng Thọ | 05/10/1986 | 276049429 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 779 | Vũ Trọng Thuyết | 10/06/1970 | 038070001219 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 780 | Trần Thị Tài | 20/10/1963 | 170587334 | TỔ 26, KP4B | Lượm ve chai | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 781 | Trần Văn Tuyển | 25/04/1974 | 182031738 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 782 | Đặng Thị Ngọc Ly | 01/04/1989 | 271838595 | TỔ 26, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 783 | Nguyễn Trọng Sơn | 04/10/1985 | 271621599 | TỔ 26, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 784 | Đoàn Văn Tuấn | 01/10/1963 | 186827019 | TỔ 26, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 785 | Quách Thị Tường Vi | 04/08/1995 | 272439450 | TỔ 27, KP4B | Buôn bán nhỏ lẻ rau | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 786 | Tăng Văn Phương | 15/05/1963 | 181661964 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 787 | Nguyễn Thế Hòa | 20/05/1982 | 272805101 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|-------------------|---------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 788 | Đỗ Thị Hoa Nhài | 1980 | 164664059 | TỔ 27, KP4B | Máy tại nhà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 789 | Lê Văn Tuấn | 10/10/1971 | 276029194 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 790 | Trịnh Thị Thanh Thủy | 12/07/1986 | 272895868 | TỔ 27, KP4B | Máy tại nhà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 791 | Trịnh Văn Học | 05/06/1985 | 272583104 | TỔ 27, KP4B | Làm điện nước | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 792 | Dương Tiến Dũng | 24/06/1986 | 272937833 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 793 | Phan Duy Thanh | 06/06/1978 | 183956600 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 794 | Nguyễn Văn Hùng | 30/06/1976 | 27268210 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 795 | Vô Thị Kim Chi | 07/02/1972 | 271529629 | TỔ 27, KP4B | Giáo viên mầm non | Trường Mn Tỉnh Khôi, Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 796 | Bùi Thị Mỹ Ngọc | 01/11/1964 | 272668681 | TỔ 27, KP4B | Bán hàng rong rau | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 797 | Trần Văn Dũng | 21/2/1980 | 272855709 | TỔ 27, KP4B | Thu gom phế liệu | Thạnh Phú, Vĩnh Cửu-Dn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 798 | Phạm Thị Trang | 14/06/1987 | 272940500 | TỔ 27, KP4B | Máy tại nhà | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 799 | Nguyễn Đình Bảy | 12/04/1986 | 272760042 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|---------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 800 | Đỗ Duy Nhiệm | 26/09/1974 | 171671620 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 801 | Nguyễn Lạm | 25/10/1977 | 276041270 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 802 | Nguyễn Văn Ty | 25/09/1977 | 273050214 | TỔ 27, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 803 | Nguyễn Thị Át | 15/12/1985 | 276058654 | TỔ 27, KP4B | May tại nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 804 | Vũ Thị Nhi | 07/08/1980 | 172122058 | TỔ 27, KP4B | May tại nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 805 | Hứa Thị Mơ | 27/01/1991 | 095162707 | TỔ 27, KP4B | May tại nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 806 | Nguyễn Thành Thông | 01/06/1991 | 271971656 | TỔ 27, KP4B | Vận chuyển hàng hóa | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 807 | Lê Minh Trường | 15/04/1984 | 271550294 | TỔ 20, KP4B | Xe ôm | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 808 | Lê Thị Kim Phương | 01/01/1980 | 271398176 | TỔ 20, KP4B | Buôn bán trái cây | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 809 | Hoàng Ngọc Đại | 20/10/1958 | 272521040 | TỔ 20, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 810 | Cù Thị Kim Nga | 21/09/1995 | 079195004989 | TỔ 20, KP4B | Rửa chén, phụ quán | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 811 | Dương Triều Liên | 25/05/1983 | 271524838 | TỔ 20, KP4B | Làm trần thạch cao | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|--------------------|------------|--------------|-------------|---------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 812 | Lê Thị Hoa | 10/08/1960 | 272888694 | TỔ 20, KP4B | Nấu ăn học sinh | Hố Nai 3, Trảng Bom, Dn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 813 | Phạm Thị Giang | 24/10/1987 | 240999825 | TỔ 20, KP4B | Dan hàng thủ công | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 814 | Đinh Viết Hương | 19/07/1965 | 270661276 | TỔ 20, KP4B | Chạy xe công nghệ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 815 | Bùi Huy Hương | 13/12/1967 | 272378139 | TỔ 6, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 816 | Đinh Quốc Việt | 04/01/1980 | 051080001427 | TỔ 6, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 817 | Vũ Văn Trụ | 01/01/1979 | 272697383 | TỔ 6, KP4B | Cuốn máy bơm | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 818 | Phan Ngọc Minh | 30/06/1985 | 271683068 | TỔ 6, KP4B | Âm thanh loa đài | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 819 | Phạm Công Bắc | 10/09/1967 | 270856820 | TỔ 6, KP4B | Lái xe khách | Hx Vận Tải Dv DI Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 820 | Nguyễn Văn Toàn | 12/06/1985 | 038085013408 | TỔ 6, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 821 | Vũ Văn Thuộc | 01/01/1997 | 276117103 | TỔ 6, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 822 | Châu Thị Kim Hoàng | 05/11/1964 | 270017675 | TỔ 6, KP4B | Nhân viên phục vụ xe buýt | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 823 | Phạm Hoàng Gia Bảo | 07/05/2002 | 272989060 | TỔ 6, KP4B | Phụ xe | Hx Vận Tải Dv DI Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|--------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 824 | Trần Quang Trung Hiếu | 18/05/1986 | 321576602 | TỔ 6, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 825 | Nguyễn Văn Thuận | 15/01/1982 | 272715617 | TỔ 36, KP4B | Thợ sắt | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 826 | Trần Văn Cường | 10/05/1989 | 272979900 | TỔ 36, KP4B | Máy ở nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 827 | Vũ Thị Diệt | 02/07/1950 | 024932929 | TỔ 36, KP4B | Bán cơm chay | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 828 | Nguyễn Thị Hoài | 25/09/1989 | 276120946 | TỔ 36, KP4B | Máy ở nhà | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 829 | Phạm Văn Thông | 20/10/1986 | 272927952 | TỔ 36, KP4B | Bán hàng rong rau | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 830 | Trần Văn Chung | 02/01/1972 | 285274875 | TỔ 36, KP4B | Công nhân xây dựng | Cty Xd Bình Doanh, Long Khánh, Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 831 | Lê Phước Sơn | 02/06/1974 | 271712544 | TỔ 36, KP4B | Chạy xe chở hàng | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 832 | Phan Sỹ Thanh | 10/06/1989 | 186875745 | TỔ 36, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 833 | Nguyễn Huệ Thanh | 14/07/1988 | 271462095 | TỔ 36, KP4B | Lái xe | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 834 | Bùi Thị Chơn | 17/07/1971 | 031601638 | TỔ 4, KP4B | Nấu cơm học sinh | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 835 | Đoàn Văn Tuấn | 08/06/1968 | 030725963 | TỔ 4, KP4B | Thu gom phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|------------|------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 836 | Bùi Văn Thuận | 20/09/1981 | 024958468 | TỔ 4, KP4B | Giã công nhôm kính | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 837 | Phan Thành Hiền | 19/10/1987 | 271826972 | TỔ 4, KP4B | Tài xế | Hố Nai, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 838 | Huỳnh Thanh Danh | 13/10/1982 | 271444849 | TỔ 4, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 839 | Nguyễn Thị Tuyết Anh | 24/06/1987 | 271919105 | TỔ 4, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 840 | Nguyễn Văn Liêm | 02/04/1969 | 272141595 | TỔ 4, KP4B | Thợ hồ | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 841 | Nguyễn Như Thảo | 08/06/1963 | 272763197 | TỔ 4, KP4B | Thợ xây | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 842 | Lê Thị Oánh | 20/12/1968 | 272763196 | TỔ 4, KP4B | Bán sầu cau | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 843 | Trần Thị Lan | 02/10/1982 | 036182007898 | TỔ 4, KP4B | Làm giã sạch | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 844 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 29/09/2001 | 036301008824 | TỔ 4, KP4B | Giúp việc làm giã sạch | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 845 | Nguyễn Văn Phương | 05/10/1974 | 036074006161 | TỔ 4, KP4B | Cơ sở làm giã sạch | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 846 | Nguyễn Văn Dân | 10/12/1994 | 163216899 | TỔ 4, KP4B | Làm giã sạch | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 847 | Nguyễn Ngọc Nam | 24/08/1971 | 272661180 | TỔ 4, KP4B | Cơ khí xây dựng | Trảng Dài, BH-DN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 848 | Trần Văn Việt | 16/09/1980 | 025894775 | TỔ 4, KP4B | Thợ sửa chữa điện nước | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 849 | Phạm Thị Hương | 10/02/1983 | 272544007 | TỔ 4, KP4B | Thợ may gia đình | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 850 | Hoàng Trọng Thề | 03/08/1981 | 272419845 | TỔ 4, KP4B | Lái xe chở khách | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 851 | Hà Công Đoàn | 15/10/1973 | 272645670 | TỔ 4, KP4B | Thợ sơn nước | Địa Điểm Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 852 | Nguyễn Chí Linh | 10/01/1981 | 272645219 | TỔ 4, KP4B | Phụ xe tải chở hàng | Long An, Long Thành, Dn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 853 | Nguyễn Thành Nhân | 06/10/1985 | 271762307 | TỔ 4, KP4B | Sửa máy vi tính | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 854 | Trương Thị Quỳnh Như | 15/08/1998 | 272688008 | TỔ 4, KP4B | Thu gom rác phế liệu | Trảng Dài, BH-ĐN | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 855 | Võ Thị Hoa | 11/11/1980 | 183806583 | TỔ 11 - KP.4 | Giúp việc gia đình theo giờ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 856 | Cao Thị Thanh Phương | 13-5-1992 | 365824936 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 857 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 25-4-1995 | 352218479 | TỔ 11 - KP.4 | Bán bánh mì | Cổng Trường Hà Huy Giáp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 858 | Vũ Nhật Linh | 13-3-2001 | 241831466 | TỔ 11 - KP.4 | Xe ôm | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 859 | Nguyễn Thị Mèo | 23-10-1985 | 352767871 | TỔ 11 - KP.4 | Bán bánh tráng trộn | Cổng Trường Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------------|-----------|--------------|--------------|-------------------|----------------------|--------------------|---------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | nhập hiện tại | | |
| 860 | Phan Đình Khải | 27-5-1997 | 187536509 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 861 | Đỗ Văn Độ | 10/1/1987 | 038087014383 | TỔ 11 - KP.4 | Bán cá viên chiên | Công Trường Cấp 1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 862 | Nguyễn Hữu Thắng | 28-6-1999 | 036099002074 | TỔ 11 - KP.4 | Bán trái cây | Chợ Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 863 | Phan Văn Cẩn | 3/5/1987 | 186428026 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 864 | Nguyễn Thị Lan | 26-8-1970 | 163373692 | TỔ 11 - KP.4 | Thu gom ve chai | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 865 | Nguyễn Trọng Quyền | 20-8-1986 | 186672207 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 866 | Nguyễn Trọng Linh | 1/5/1990 | 186675449 | TỔ 11 - KP.4 | Xe ôm | Công Bệnh Viện Nhi | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 867 | Nguyễn Việt Thắng | 17-6-2001 | 187812112 | TỔ 11 - KP.4 | Bán trái cây | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 868 | Nguyễn Văn Hoàng | 20-6-1996 | 184083342 | TỔ 11 - KP.4 | Bán dép lê đường | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 869 | Phan Hữu Hải | 4/9/2001 | 184378386 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 870 | Nguyễn Thị Quỳnh Giang | 3/7/2002 | 272870685 | TỔ 11 - KP.4 | Bán vé số | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 871 | Nguyễn Văn Lê | 4/7/1991 | 352294267 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|-----------|--------------|--------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 872 | Phạm Văn Đông | 10/3/1997 | 241465136 | TỔ 11 - KP.4 | Bán quần áo vỉa hè | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 873 | Phạm Văn Phan | 18-8-1999 | 030099006381 | TỔ 11 - KP.4 | Bán xôi | Cổng Trường Hà Huy Giáp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 874 | Vũ Đức Quý | 20-6-1996 | 187527274 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ xây | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 875 | Vũ Trọng Thuận | 19-5-1971 | 272598152 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ sơn nước | Trường Tiểu Học Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 876 | Nguyễn Văn Thắng | 1974 | 272439987 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ xây | Via Hè Tam Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 877 | Nguyễn Văn Thắng | 16-8-1978 | 272238809 | TỔ 11 - KP.4 | Bán giày dép | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 878 | Mai Văn Hưng | 15-9-1978 | 276110151 | TỔ 11 - KP.4 | Bán xôi | Cổng Trường Trường Sa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 879 | Vũ Văn Tạo | 6/6/1982 | 272678520 | TỔ 11 - KP.4 | Lái xe tải chở hàng thuê | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 880 | Nguyễn Thị Tâm | 1966 | 272487470 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau | Kp.3a - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 881 | Vũ Lê Thanh | 13-1-1990 | 272049202 | TỔ 11 - KP.4 | Lái xe tải thuê | An Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 882 | Lê Thị Nguyệt | 19-8-1972 | 272857104 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ may gia đình | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 883 | Lê Xuân Bảy | 1/1/1968 | 276041278 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm | Thu | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|--------------|------------------|------------------------|-----------|---------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | mất việc | nhập hiện tại | | |
| 884 | Nguyễn Thị Thuần | 10/7/1982 | 272587774 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau | Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 885 | Thảm Vân Phi | 10/2/1979 | 276107248 | TỔ 11 - KP.4 | Lái xe chó hàng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 886 | Lê Đình Hưng | 06/05/1958 | 038058003735 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 887 | Đoàn Quốc Dự | 20-5-1969 | 272783040 | TỔ 7 - KP.4 | Xe ôm | TỔ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 888 | Chu Minh Ngọc | 20-6-1964 | 181431294 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 889 | Chu Thị Hồng | 1/7/1965 | 186552116 | TỔ 7 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 890 | Ngô Thị Lệ Thủy | 25-6-1987 | 271937025 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 891 | Nguyễn Thị Kiều Tân | 2/1/1979 | 272178827 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 892 | Nguyễn Công Tú | 10/10/1978 | 272369328 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 893 | Nguyễn Thị Hồng Ri | 15-11-1995 | 363873446 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 894 | Nguyễn Thị Thơ | 2/12/1983 | 272926660 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 895 | Vô Văn Hải | 12/10/1977 | 272178759 | TỔ 7 - KP.4 | Bán trái cây dạo | Gần Trường Hà Huy Giáp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|--------------|--------------|---------------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 896 | Hoàng Thị Hương | 26-10-1997 | 272992329 | TỔ 7 - KP.4 | Bán đồ gia dụng dạo | Tổ 22 - Kp.4c | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 897 | Nguyễn Văn Sơn | 5/3/1993 | 038093021360 | TỔ 7 - KP.4 | Bốc vác | Tổ 5 - Kp.5 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 898 | Mai Ngọc Huyền | 4/8/2002 | 272866288 | TỔ 7 - KP.4 | Phụ trung tâm papa for me | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 899 | Nguyễn Quang Tiếp | 28-10-1967 | 151285850 | TỔ 7 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 900 | Nguyễn Thị Hương | 14-2-1980 | 272866050 | TỔ 7 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 901 | Nguyễn Văn Tỉnh | 6/2/1960 | 272748649 | TỔ 7 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 902 | Vũ Văn Thanh | 19-9-1969 | 111374219 | TỔ 7 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 903 | Nguyễn Thị Thu | 8/8/1978 | 271360333 | TỔ 7 - KP.4 | Thợ làm tóc | Spa Văn Anh - Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 904 | Nguyễn Đức Long | 23-2-1991 | 272259171 | TỔ 9 - KP.4 | Tài xế chở khách | Tân Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 905 | Võ Thị Thanh Thủy | 10/2/1994 | 272218805 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ bếp | Tam Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 906 | Nguyễn Thị Hương | 10/5/1980 | 271428271 | TỔ 10 - KP.4 | Bán quần áo | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 907 | Phạm Thanh Luận | 24-6-1979 | 272679410 | TỔ 9 - KP.4 | Lái xe chở hàng | Bến Xe Hố Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------|----------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 908 | Nguyễn Văn Năm | 4/10/1986 | 272104398 | TỔ 9 - KP.4 | May gia công | Tân Phong - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 909 | Bùi Thị Thanh Tâm | 4/3/1993 | 371664059 | TỔ 9 - KP.4 | May gia công | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 910 | Hòa Ngọc Thành | 1/1/1987 | 371426720 | TỔ 9 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 911 | Nguyễn Văn Tiến | 11/7/1997 | 035097001281 | TỔ 9 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 912 | Trần Thị Phương | 6/8/1981 | 385001385 | TỔ 9 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 913 | Son Thị Huyền Trang | 29-12-2001 | 385859676 | TỔ 9 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 914 | Phạm Thị Tươi | 5/7/1982 | 272718742 | TỔ 9 - KP.4 | Bán bún gạo, phở khô | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 915 | Lâm Tấn Khai | 1980 | 381083123 | TỔ 9 - KP.4 | Bán bánh cam | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 916 | Chu Văn Quyền | 27-11-1973 | 276002650 | TỔ 5 - KP.4 | Trông giữ xe | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 917 | Đinh Thị Chiên | 10/10/1959 | 183258746 | TỔ 8 - KP.4 | Bán bánh mì | Tổ 8 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 918 | Trần Hữu Tấn | 10/10/1959 | 183349358 | TỔ 8 - KP.4 | Phụ hồ | Tân Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 919 | Đào Văn Nam | 19-5-1984 | 168071187 | TỔ 8 - KP.4 | Khoan giếng | Long Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 920 | Quách Tuấn An | 15-11-1996 | 366187657 | TỔ 8 - KP.4 | Bốc vác | Chợ Tân Biên | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 921 | Hiếu Văn Minh | 4/8/1994 | 272389237 | TỔ 8 - KP.4 | Thợ xây | Long Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 922 | Nguyễn Thành Đạt | 26-12-1997 | 272568293 | TỔ 4 - KP.4 | Xe ôm | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 923 | Nguyễn Ngọc Lân | 3/10/1986 | 271708501 | TỔ 26- KP.4 | Xe ôm | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 924 | Phan Thị Hồng Ngân | 19-7-1987 | 264271533 | TỔ 26- KP.4 | Bán chuối chiên | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 925 | Nguyễn Hùng Sơn | 9/1/1972 | 271143625 | TỔ 26- KP.4 | Xe ôm | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 926 | Hoàng Văn Ba | 19-1-1982 | 272259160 | TỔ 26- KP.4 | Lái xe chờ hàng | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 927 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 2/8/1982 | 161617000 | TỔ 26- KP.4 | Bán trứng | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 928 | Nguyễn Ngọc Lâm | 5/10/1987 | 272133043 | TỔ 26- KP.4 | Thợ hàn | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 929 | Trần Phạm Thanh Long | 9/6/1983 | 301065633 | TỔ 26- KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 26 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 930 | Nguyễn Xuân Trọng | 20-10-1987 | 271732847 | TỔ 26- KP.4 | Xe ôm | Tổ 26 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 931 | Nguyễn Thị Ngọc Gấm | 6/7/1987 | 271902749 | TỔ 26- KP.4 | Bán rau | Tổ 26 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-----------------|------------|---------------|-------------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 932 | Đỗ Thanh Hiền | 1/1/1987 | 0920087001981 | TỔ 26- K.P.4 | Công nhân phế liệu | Biển Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 933 | Vũ Xuân Tinh | 20-6-1985 | 271924291 | TỔ 25- K.P.4 | Sửa chữa điện tử | Tổ 25- K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 934 | Lê Thị Diễm | 15-7-1987 | 334366659 | TỔ 25- K.P.4 | Máy gia công | Tổ 25- K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 935 | Bùi Văn Toại | 22-12-1996 | 187357200 | TỔ 25- K.P.4 | Sửa điện lạnh | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 936 | Nguyễn Văn Phúc | 30-4-1984 | 036084002198 | K.P.4 - TRẢNG DÀI | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 937 | Nguyễn Thị Nhài | 27-9-1980 | 035180006663 | TỔ 20 - K.P.4 | Bán xôi | Chợ Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 938 | Đặng Văn Nghĩa | 5/5/1982 | 365424758 | TỔ 20 - K.P.4 | Phụ xe tải | An Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 939 | Nguyễn Khắc Tâm | 3/1/1988 | 03808801148 | TỔ 20 - K.P.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 940 | Phan Thị Mai | 3/1/1994 | 184093099 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 941 | Khuất Văn Hồng | 26-5-1971 | 001071022176 | TỔ 8 - K.P.4 | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 942 | Vô Chí Tâm | 22-10-1981 | 272959903 | TỔ 8 - K.P.4 | Bốc vác | Chợ Tân Biên | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 943 | Đỗ Thị Dự | 11/1/1962 | 170661052 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán bánh cuốn | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 944 | Lê Thị Vân | 15-6-1980 | 272969360 | TỔ 8 - KP.4 | Bán chè | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 945 | Vũ Hồng Lý | 25-12-1970 | 272645296 | TỔ 8 - KP.4 | Tài xế xe tải | Hố Nai 3 - Trảng Bom | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 946 | Võ Quốc Huy | 27-11-2000 | 038200003526 | TỔ 8 - KP.4 | Xây dựng | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 947 | Nguyễn Văn An | 12/4/1985 | 172607948 | TỔ 8 - KP.4 | Xây dựng | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 948 | Nguyễn Thị Kim Chi | 21-1-1981 | 191443917 | TỔ 8 - KP.4 | Bán nước giải khát | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 949 | Lê Văn Mạnh | 16-6-1984 | 001084018969 | TỔ 8 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 950 | Khuất Thị Viện | 28-9-1988 | 001188034251 | TỔ 8 - KP.4 | Phụ hồ | An Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 951 | Nguyễn Thị Phương | 5/2/1990 | 060920380 | TỔ 8 - KP.4 | Thu gom rác | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 952 | Lê Văn Thành | 11/2/1987 | 001087023377 | TỔ 8 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 953 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 20-10-1979 | 040179001837 | TỔ 8 - KP.4 | Bán xôi | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 954 | Khuất Văn Hà | 21-5-1992 | 001092016327 | TỔ 8 - KP.4 | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 955 | Lê Thị Lan | 6/5/1967 | 281090554 | TỔ 8 - KP.4 | Bán trái cây | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|---------------------|------------|--------------|---------------|-----------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 956 | Đinh Thị Mai | 25-8-1962 | 160746561 | TỔ 8 - K.P.4 | Thu gom rác | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 957 | Hà Văn Hưng | 9/3/1978 | 272805227 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán gà, vịt | K.p.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 958 | Phạm Văn Hiệp | 8/3/1979 | 272610541 | TỔ 8 - K.P.4 | Điện cơ | Long Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 959 | Nguyễn Minh Cảnh | 30-9-1984 | 271679036 | TỔ 8 - K.P.4 | Thợ lắp máy nóng lạnh | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 960 | Đinh Thị Tuyền | 19-11-1987 | 272079217 | TỔ 8 - K.P.4 | Gội đầu, làm nail | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 961 | Nguyễn Thị Ngọc Huệ | 10/11/1978 | 025178000577 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán nước giải khát | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 962 | Phạm Thanh Tùng | 7/2/1986 | 271705538 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán cá | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 963 | Trần Thị Trang | 1/5/2000 | 164667430 | TỔ 8 - K.P.4 | Cắt tóc | Hố Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 964 | Nguyễn Văn Thắng | 2/12/1980 | 037080002044 | TỔ 8 - K.P.4 | Lái xe chở hàng | Tổ 8 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 965 | Trương Văn Hải | 15-6-1993 | 187178880 | TỔ 8 - K.P.4 | Sửa điện lạnh | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 966 | Trần Thị Xuân | 21-5-1984 | 183349349 | TỔ 8 - K.P.4 | Bán trái cây | K.p.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 967 | Nguyễn Thị Thắm | 12/10/1982 | 186078086 | TỔ 12 - K.P.4 | Thợ may gia đình | Tổ 12 - K.p.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|------------|-----------|--------------|------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 968 | Đỗ Văn Thào | 20-11-1989 | 365876918 | TỔ 12 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 969 | Nguyễn Đức Hòa | 14-1-1979 | 272715478 | TỔ 12 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 970 | Nguyễn Lưu | 16-8-1987 | 260986729 | TỔ 12 - KP.4 | Sửa chữa điện cơ | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 971 | Đàm Thị Năm | 20-7-1982 | 271604412 | TỔ 12 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 972 | Trịnh Thị Lan | 3/3/1955 | 130842437 | TỔ 12 - KP.4 | Nấu ăn | Tân Phong - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 973 | Nguyễn Thị Hiền | 1/12/1975 | 272849992 | TỔ 12 - KP.4 | Bán xôi | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 974 | Đào Hữu Thành | 12/6/1980 | 191844784 | TỔ 12 - KP.4 | Thợ hồ | Bưu Long - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 975 | Nguyễn Văn Chung | 15-3-1978 | 272622819 | TỔ 13 - KP.4 | Bán hàng rong | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 976 | Đào Phúc Hải | 4/7/1972 | 280904783 | TỔ 17 - KP.4 | Làm đá xây dựng | Bắc Tân Uyên - Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 977 | Trần Văn Hinh | 10/5/1981 | 272965400 | TỔ 6 - KP.4 | Bốc vác hàng | Bắc Tân Uyên - Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 978 | Ngô Thị Lai | 25-11-1957 | 270607899 | TỔ 6 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Tân Phong - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 979 | Đặng Ngọc Bắc | 16-3-1983 | 212184821 | TỔ 16 - KP.4 | Sửa điện lạnh | Hệ Thống Cà Phê Arabi | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|-----|-------------------|------------|--------------|--------------|------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 980 | Nguyễn Hữu Đức | 11/6/1985 | 271743091 | TỔ 15 - KP.4 | Lái xe | Tam Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 981 | Phan Văn Tình | 10/2/1975 | 182985965 | TỔ 15 - KP.4 | Xây dựng | Hồ Chí Minh | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 982 | Lê Văn Dục | 20-10-1975 | 272546084 | TỔ 16 - KP.4 | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 983 | Nguyễn Thị Xuân | 22-4-1986 | 272760567 | TỔ 16 - KP.4 | Thợ may gia đình | TỔ 16 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 984 | Đặng Thị Hương | 20-2-1970 | 272697228 | TỔ 15 - KP.4 | Máy gia công | TỔ 15 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 985 | Phạm Đăng Lực | 3/5/1976 | 171763717 | TỔ 16 - KP.4 | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 986 | Trần Văn Tinh | 13-6-1986 | 271907126 | TỔ 16 - KP.4 | Lái xe công nghệ | Quận 12 - Hcm | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 987 | Trần Anh Tuấn | 13-7-1991 | 001091003342 | TỔ 16 - KP.4 | Lái xe công nghệ | Biều Hòa - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 988 | Lê Văn Kỳ | 8/6/1979 | 272687877 | TỔ 15 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 989 | Phùng Văn Tuyển | 3/4/1975 | 272330555 | TỔ 20 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 990 | Nguyễn Hữu Tài | 25-4-1989 | 272024432 | TỔ 20 - KP.4 | Cắt tóc | Salon Nguyễn Tuấn - Tân Tiến - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 991 | Nguyễn Thái Hoàng | 29-9-1985 | 271674153 | TỔ 20 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Tân Mai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|-----------|--------------|------------------------|---|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 992 | Nguyễn Thị Tươi | 22-2-1988 | 271927964 | TỔ 20 - KP.4 | Uốn tóc | Salon Nguyễn Tuấn - Tân Tiến - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 993 | Trần Bội Thi | 17-8-1987 | 024007158 | TỔ 20 - KP.4 | Hướng dẫn viên du lịch | TỔ 20 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 994 | Chu Nguyễn Sơn | 23-1-1980 | 272998814 | TỔ 20 - KP.4 | Lái xe | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 995 | Nguyễn Xuân Hùng | 20-10-1972 | 272688629 | TỔ 20 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 996 | Hoàng Tuấn Điệp | 20-11-1981 | | TỔ 20 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 997 | Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | 21-4-1982 | 273087163 | TỔ 20 - KP.4 | Giúp việc gia đình | Tân Tiến - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 998 | Nguyễn Văn Chương | 19-9-1993 | | TỔ 20 - KP.4 | Thợ may gia đình | TỔ 20 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 999 | Vũ Văn Lân | 1/5/1982 | 271843921 | TỔ 20 - KP.4 | Xe ôm công nghệ | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1000 | Bùi Thị Tuyết Nga | 2/1/1984 | 271724537 | TỔ 20 - KP.4 | Bán trái cây | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1001 | Nguyễn Như Dũng | 1/9/1978 | 272017569 | TỔ 20 - KP.4 | Lái xe | Long Bình - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1002 | Huỳnh Văn Xuyên | 1979 | 363584691 | TỔ 20 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1003 | Trần Ngọc Thanh | 28-12-1978 | 131649603 | TỔ 12 - KP.4 | Bán hàng ăn sáng | TỔ 4 - Kp.4a | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1004 | Dương Nhân Canh Canh | 26-10-1977 | 311671651 | TỔ 12 - KP.4 | Bán rau | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1005 | Lê Thị Huệ | 3/8/1959 | 231067038 | TỔ 12 - KP.4 | Làm việc trong cơ sở chăn non | Mầm Non A-Bi | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1006 | Trần Thanh Thường | 20-5-1981 | 272501854 | TỔ 12 - KP.4 | Làm gốm | Ken Hồ Nai - Bắc Sơn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1007 | Nguyễn Văn Thái | 15-3-1962 | 036062017313 | TỔ 12 - KP.4 | Bán hàng rong | Công Trường Cấp 2 - Kp.3 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1008 | Dương Thị Thanh Tú | 15-9-1995 | 272502347 | TỔ 12 - KP.4 | Phụ việc chăn non | Trường Mĩ Hoàng Yến 1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1009 | Nguyễn Văn Mạnh | 22-12-1989 | 272759377 | TỔ 12 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1010 | Lê Thị Bảy | 15-8-1957 | 276129675 | TỔ 12 - KP.4 | Bán trái cây | Cây Xăng 26 - Tân Phong | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1011 | Nguyễn Tài | 12/3/1991 | 230814461 | TỔ 12 - KP.4 | Phụ xe | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1012 | Đỗ Thị Đàm | 9/9/1987 | 121765263 | TỔ 12 - KP.4 | Làm đẹp mini tại phòng | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1013 | Trương Văn Duẩn | 3/6/1977 | 272638036 | TỔ 12 - KP.4 | Vận chuyển hàng hóa | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1014 | Nguyễn Thị Tư | 1969 | 272289951 | TỔ 12 - KP.4 | Bán quán ăn | Tân Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1015 | Phạm Văn Duyệt | 14-6-1974 | 27265034 | TỔ 12 - KP.4 | Bán cháo lòng | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1016 | Bùi Anh Dũng | 27-2-1971 | 036071004449 | TỔ 12 - KP.4 | Phụ làm mộc | Hồ Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1017 | Nguyễn Thị Huyền Bảo | 14-11-1996 | 241593905 | TỔ 12 - KP.4 | Làm tóc, nail | Kim Spa - Tam Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1018 | Nguyễn Việt Dal | 1961 | 380866403 | TỔ 12 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1019 | Hồ Thị Gái | 20-5-1951 | 270595842 | TỔ 12 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1020 | Vòng Ân Ý | 29-10-1974 | 271172383 | TỔ 12 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1021 | Nguyễn Minh Mai | 4/9/1995 | 174804238 | TỔ 12 - KP.4 | Bán hàng rong | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1022 | Trần Thị Thủy | 15-2-1985 | 276008492 | TỔ 12 - KP.4 | Bán xôi chiên, shushi | Tổ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1023 | Trịnh Văn Long | 11/11/1980 | 272764685 | TỔ 23 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1024 | Nguyễn Văn Tùng | 6/12/1988 | 271749966 | TỔ 23 - KP.4 | Lái xe | Tổ 23 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1025 | Nguyễn Thị Yên | 2/9/1989 | 173045306 | TỔ 23 - KP.4 | Phụ tiệm tóc | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1026 | Phạm Xuân Trạch | 5/5/1992 | 276026270 | TỔ 28 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 28 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1027 | Nguyễn Văn Thanh | 1963 | 170062290 | TỔ 9 - KP.4 | Bán vé số | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-------------------|------------|--------------|--------------|--------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1028 | Đỗ Thị Hồng Nhung | 27-7-2000 | 272788327 | TỔ 12 - KP.4 | Bán hàng rong | Công Trường Hà Huy Giáp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1029 | Dương Thị Thanh | 12/2/1960 | 180749877 | TỔ 6 - KP.4 | Bán rau, củ | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1030 | Nguyễn Thị Hương | 23-12-1976 | 272622781 | TỔ 6 - KP.4 | Bán bánh mì | Kix Đại Học Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1031 | Nguyễn Viết Giang | 2/9/1995 | 183996951 | TỔ 6 - KP.4 | Bán hàng tự do | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1032 | Nguyễn Thị Yên | 1/1/1953 | 184317703 | TỔ 6 - KP.4 | Bán hàng rong | Chợ Quang Thắng | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1033 | Nguyễn Thị Hà | 24-11-1976 | 272248903 | TỔ 6 - KP.4 | Tập vụ phòng tập gym | Tân Hiệp - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1034 | Nguyễn Thị Thủy | 9/3/1982 | 182503325 | TỔ 6 - KP.4 | Giúp việc nhà, trông trẻ | Kp.4 - Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1035 | Trương Thị Thịnh | 9/10/1976 | 035176002135 | TỔ 6 - KP.4 | Bán rau muống | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1036 | Trần Văn Cường | 1974 | 272584499 | TỔ 6 - KP.4 | Xây dựng | Long Bình Tân - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1037 | Đỗ Thị Nhàn | 6/8/1956 | 160089742 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ quán ăn | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1038 | Đào Quang Duẩn | 17-6-1990 | 131256510 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.5 - Tân Tiến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1039 | Nguyễn Thị Đào | 16-12-1962 | 132122010 | TỔ 6 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1040 | Lê Thị Năm | 6/10/1962 | 038162005714 | TỔ 6 - KP.4 | Giúp việc nhà | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1041 | Hồ Thị Thu | 1/2/1988 | 245227508 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ quán ăn | Kp.4 - Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1042 | Hồ Sở | 3/2/1993 | 245246405 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ hồ | Ngã Tư Quang Thắng | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1043 | Võ Trung Cương | 26-8-1993 | 183999745 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.3 - Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1044 | Lê Văn Vũ | 25-10-1994 | 341725857 | TỔ 6 - KP.4 | Dệt bao tay | Tổ 4 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1045 | Thạch Thị Thủy Liễu | 30-1-2000 | 251152569 | TỔ 6 - KP.4 | May bao tay | Tổ 4 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1046 | Trần Văn Hải | 6/2/1962 | 170372801 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 4 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1047 | Nguyễn Trọng Thể | 6/1/1990 | 038090023349 | TỔ 6 - KP.4 | Thợ hàn | Phước Tân - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1048 | Nguyễn Thị Trà My | 3/12/1998 | 233267765 | TỔ 6 - KP.4 | Phụ quán cà phê | Trung Dũng - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1049 | Nguyễn Văn Khơ | 19-2-1985 | 272883269 | TỔ 18 - KP.4 | Lái xe chờ khách | | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1050 | Phạm Ngọc Quỳnh | 16-7-1980 | 276107463 | TỔ 14 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1051 | Nguyễn Văn Kiên | 10/10/1973 | 038073012628 | TỔ 14 - KP.4 | Bán vé số | Chợ Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|-----------|--------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1052 | Võ Công Lợi | 1977 | 271871897 | TỔ 14 - KP.4 | Xe ôm | Tổ 14 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1053 | Nguyễn Thị Loan | 4/7/1984 | 191513737 | TỔ 9 - KP.4 | Thợ may tại nhà | Tổ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1054 | Nguyễn Anh Thuận | 30-8-1998 | 272623077 | TỔ 14 - KP.4 | Bán cá viên chiên | Cổng Trường Đại Học Công Nghệ | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1055 | Vũ Thị The | 28-10-1963 | 151993796 | TỔ 14 - KP.4 | Bán xôi | Cổng Trường Hà Huy Giáp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1056 | Nguyễn Thị Thu | 20-1-1971 | 27220345 | TỔ 14 - KP.4 | Giúp việc quét dọn | Tt Ngoại Ngữ Minh Phương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1057 | Nguyễn Ngọc Thanh | 31-12-1972 | 070908466 | TỔ 14 - KP.4 | Chạy xe ba gác | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1058 | Nguyễn Thị Hồng Anh | 19-2-1993 | 272377446 | TỔ 14 - KP.4 | Bán cơm chiên | Cổng Trường Trương Sa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1059 | Nguyễn Bá Tỷ | 9/12/1984 | 272750357 | TỔ 14 - KP.4 | Trông giữ xe | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1060 | Cao Thị Ngự | 1951 | 272222498 | TỔ 14 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1061 | Nguyễn Thị Hiền | 29-3-2000 | 272748151 | TỔ 4 - KP.4 | Phụ quán | Cà Phê Lộc Vừng | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1062 | Lê Văn Mạnh | 5/2/1980 | 272376894 | TỔ 14 - KP.4 | Phục vụ bàn | Tổ 13 - Kp.4a | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1063 | Hoàng Thị Hào | 20-10-1983 | 272839960 | TỔ 14 - KP.4 | Bán sữa đậu nành | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-------------------------|------------|--------------|--------------|------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1064 | Nguyễn Thanh Thiện | 1/3/1971 | 272763936 | TỔ 14 - KP.4 | Máy gia công | Hố Nai 3 - Trảng Bom | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1065 | Nguyễn Thị Đức | 17-6-1950 | 152237176 | TỔ 14 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Quang Thẳng | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1066 | Lê Hiếu | 24-12-1980 | 191404344 | TỔ 9 - KP.4 | Lái xe chở hàng | TỔ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1067 | Trần Thị Nga | 24-8-1985 | 271734686 | TỔ 9 - KP.4 | Thợ cắt tóc | TỔ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1068 | Hoàng Thị Ngót | 27-10-1960 | 272079691 | TỔ 12 - KP.4 | Thu gom phế liệu | TỔ 12 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1069 | Nguyễn Thị Hải | 1953 | 120496340 | TỔ 4 - KP.4 | Thu gom phế liệu | TỔ 4 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1070 | Nguyễn Thị Tuyết Phương | 19-4-1975 | 272545035 | TỔ 7 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1071 | Lê Hữu Thương | 14-4-1974 | 220942878 | TỔ 7 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Tân Phong | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1072 | Nguyễn Công Hòa | 13-3-1982 | 042082003676 | TỔ 14 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyển | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1073 | Nguyễn Thị Trang | 28-5-1985 | 272703395 | TỔ 22 - KP.4 | Bán trái cây | Chợ Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1074 | Hoàng Tấn Lung | 10/11/1985 | 044085003354 | TỔ 22 - KP.4 | Chạy grab | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1075 | Nguyễn Thị Phương Uyên | 6/8/1999 | 272738520 | TỔ 18 - KP.4 | Làm móng đạo | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|-----------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1076 | Phạm Đào Huyền Trang | 6/7/2002 | 272919178 | TỔ 14 - KP.4 | Bán bánh mì | Cổng Trường Tiểu Học | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1077 | Trần Thị Tường Vi | 9/1/2001 | 064301000613 | TỔ 9 - KP.4 | May gia công | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1078 | Đổng Hùng Anh | 1985 | 364045921 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1079 | Nguyễn Thị Sơn Hà | 26-1-1997 | 272568300 | TỔ 9 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1080 | Vũ Đình Đăng | 19-3-1980 | 272855842 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1081 | Nguyễn Thái Sơn | 19-9-1957 | 270930972 | TỔ 9 - KP.4 | Xe ôm | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1082 | Vũ Ngọc Hồng | 2/9/1974 | 272638389 | TỔ 20 - KP.4 | Thu gom ve chai | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1083 | Nguyễn Thị Thìn | 29-10-1972 | 027172002165 | TỔ 23 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1084 | Nguyễn Duy Lương | 1/5/1971 | 027071002497 | TỔ 23 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1085 | Phan Thị Hải Yến | 19-9-1993 | 276085728 | TỔ 23 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1086 | Trần A Sáng | 5/2/1965 | 271817433 | TỔ 23 - KP.4 | Cắt tóc | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1087 | Trần Thị Hạnh | 1/1/1967 | 270782500 | TỔ 23 - KP.4 | Bán rau | Chợ Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|----------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1088 | Trần Minh Tuấn | 25-2-1990 | 272879900 | TỔ 23 - KP.4 | Cơ khí | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1089 | Trần A Ngọc | 17-12-1989 | 272009296 | TỔ 23 - KP.4 | Cắt tóc | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1090 | Đặng Thị Kim Thủy | 14-3-1978 | 230507129 | TỔ 9 - KP.4 | Bán hoa tươi | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1091 | Nguyễn Hữu Hào | 20-10-1967 | 272765875 | TỔ 23 - KP.4 | Xe ôm | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1092 | Nguyễn Đức Quân | 29-8-1989 | 030089008577 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ bán cà phê | Kp.4c - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1093 | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 1/4/1987 | 060187000413 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ bán cà phê | Kp.4c - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1094 | Đoàn Phi Thanh | 31-7-1987 | 271946292 | TỔ 23 - KP.4 | Xe ôm | Cổng Trường Đại Học Công Nghệ | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1095 | Dương Đức Lành | 20-10-1999 | 064099000485 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ cơ khí | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1096 | Đinh Văn Hiến | 1/3/1972 | 272477974 | TỔ 9 - KP.4 | Thợ hồ | Tổ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1097 | Vũ Văn Huyền | 12/11/1971 | 161909682 | TỔ 9 - KP.4 | Xe ôm | Tổ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1098 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 24-5-1986 | 272979636 | TỔ 9 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1099 | Lê Ngọc Dũng | 21-9-1975 | 172771768 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ xây | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-----------------|------------|--------------|--------------|------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1100 | Trần Văn Phúc | 16-1-1975 | 272499098 | TỔ 18 - KP.4 | Xe ôm | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1101 | Trần Văn Đông | 31-10-1984 | 276069068 | TỔ 18 - KP.4 | Bán rau | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1102 | Nguyễn Thị Huệ | 17-10-1975 | 272193732 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1103 | Nguyễn Văn Dũng | 24-3-1971 | 271789886 | TỔ 18 - KP.4 | Xây dựng | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1104 | Nguyễn Đức Long | 12/3/1984 | 271744122 | TỔ 18 - KP.4 | Bóc vác phế liệu | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1105 | Đoàn Thị Mai | 30-4-1989 | 276076470 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1106 | Lê Ngọc Năng | 4/7/1980 | 272875321 | TỔ 18 - KP.4 | Làm hồ | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1107 | Cải Minh Thương | 1965 | 371289247 | TỔ 18 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1108 | Trần Thị Yên | 1969 | 370546496 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ may tại nhà | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1109 | Phan Phùng Ân | 1993 | 250855838 | TỔ 18 - KP.4 | Sửa điện lạnh | Không Có Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1110 | Đinh Văn Cường | 1978 | 151190250 | TỔ 18 - KP.4 | Xây dựng | Tân Hạnh - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1111 | Nguyễn Văn Long | 20-10-1980 | 033080003379 | TỔ 18 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|-------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1112 | Nguyễn Văn Cấp | 2/12/1976 | 145034739 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ hồ | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1113 | Nguyễn Văn Điện | 22-7-1974 | 272018135 | TỔ 18 - KP.4 | Phụ hồ | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1114 | Trịnh Đình Hùng | 26-10-1980 | 172228281 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ hồ | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1115 | Nguyễn Văn Công | 1966 | 272122426 | TỔ 18 - KP.4 | Giao hàng tạp hóa | Chợ Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1116 | Nguyễn Tiến Bổng | 1969 | 272794188 | TỔ 18 - KP.4 | Thợ xây | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1117 | Đặng Quang Sang | 2/5/1976 | 272805831 | TỔ 21 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1118 | Lê Thị Hậu | 28-8-1955 | 272969594 | TỔ 21 - KP.4 | Bán rau củ | Chợ Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1119 | Đặng Thị Thùy Trang | 31-7-1997 | 272583435 | TỔ 21 - KP.4 | Phụ bán cà phê | Quán Cù Lao - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1120 | Trịnh Thị Lý | 4/9/1985 | 272855881 | TỔ 21 - KP.4 | Máy gia công | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1121 | Lê Thị Dê | 23-12-1954 | 272991540 | TỔ 21 - KP.4 | Bán rau | TỔ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1122 | Lê Thị Nga | 16-12-1989 | 186986924 | TỔ 17 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1123 | Đỗ Văn Kim | 20-4-1986 | 001086016845 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | TỔ 26 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-------------------|------------|-----------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1124 | Huỳnh Nhật Trường | 6/1/1986 | 261520032 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | Tổ 26 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1125 | Đinh Thị Cẩm Tiên | 2/9/2002 | 342151025 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1126 | Vô Thị Kiều | 19-2-1996 | 341925391 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1127 | Nguyễn Minh Nhật | 26-9-1992 | 241772941 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1128 | Đinh Thị Mỹ Duyên | 17-4-2001 | 342101798 | TỔ 26 - KP.4 | Xây dựng | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1129 | Đào Thị Sửu | 1/1/1954 | 161029879 | TỔ 26 - KP.4 | Giúp việc gia đình | Tổ 27 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1130 | Bùi Ngọc Huy | 24-11-2001 | 276008635 | TỔ 9 - KP.4 | Phụ hồ | Tổ 9 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1131 | Lê Thị Ngân | 1974 | 272748450 | TỔ 23 - KP.4 | Thu mua ve chai | Tổ 23 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1132 | Hoàng Văn Cừ | 30-12-1972 | 272748449 | TỔ 23 - KP.4 | Thu mua ve chai | Tổ 23 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1133 | Trương Thị Hào | 27-10-1951 | 272021993 | TỔ 26 - KP.4 | Bán xôi | Chợ Kp.4 - Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1134 | Nguyễn Thị Thu | 3/10/1980 | 272699110 | TỔ 26 - KP.4 | Thợ may gia đình | Kp.3a - Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1135 | Vũ Thị Tuyền | 18-10-1977 | 272377900 | TỔ 18 - KP.4 | Bán rau | Chợ Thanh Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|-------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1136 | Trần Hoài Bắc | 10/12/2002 | 044202003808 | TỔ 18 - KP.4 | Bán phòng trà | Quán Dụn - Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1137 | Trần Thị Hải Hậu | 22-10-2002 | 272895123 | TỔ 18 - KP.4 | Bán phòng trà | Quán Dụn - Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1138 | Trần Thị Liên | 16-7-1985 | 276037484 | TỔ 18 - KP.4 | Bán trái cây | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1139 | Nguyễn Hoàng Phương | 27-2-1999 | 092099004686 | TỔ 18 - KP.4 | Bán bánh bao | TỔ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1140 | Nguyễn Thị Miêu | 10/10/1962 | 245063144 | TỔ 23 - KP.4 | Bán hàng rong rau | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1141 | Phạm Đức Việt | 13-10-1988 | 245063146 | TỔ 23 - KP.4 | Bán sắt thép thuê | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1142 | Phạm Thị Ngọc Liên | 1/1/1975 | 271364307 | TỔ 22 - KP.4 | Bán hàng | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1143 | Nguyễn Văn Càng | 2/3/1983 | 162718045 | TỔ 22 - KP.4 | Lái xe chở hàng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1144 | Nguyễn Văn Vượng | 20-2-1962 | 271751918 | TỔ 7 - KP.4 | Xe ôm | TỔ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1145 | Nguyễn Thị Hiền | 15-12-1970 | 271946876 | TỔ 7 - KP.4 | May gia công | TỔ 7 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1146 | Phan Đình Thanh | 20-10-1973 | 241139695 | TỔ 7 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1147 | Nguyễn Thị Khuyến | 16-6-1980 | 240379924 | TỔ 7 - KP.4 | Bán rau, củ, quả | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|------------------------|------------|-----------|--------------|----------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1148 | Phạm Phương Thủy | 17-8-1989 | 272368551 | TỔ 21 - Kp.4 | Bán đồ chơi trẻ em | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1149 | Nguyễn Phương Hồng | 1/10/1969 | 272979944 | TỔ 21 - Kp.4 | Phụ hồ | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1150 | Phan Thị Kim Vui | 21-4-1980 | 272869681 | TỔ 21 - Kp.4 | Bán cá | Kp.1 - Tam Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1151 | Lê Văn Khôi | 17-11-1985 | 205118606 | TỔ 21 - Kp.4 | Bốc vác | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1152 | Trần Thị Lý | 1953 | 272689860 | TỔ 21 - Kp.4 | Bán rau | Chợ Bà Chung | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1153 | Nguyễn Thị Sang | 10/10/1986 | 276022072 | TỔ 21 - Kp.4 | Máy gia công | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1154 | Phạm Văn Khánh | 2/2/1978 | 272229077 | TỔ 21 - Kp.4 | Lái xe tải | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1155 | Nguyễn Thị Ninh | 1982 | 272783210 | TỔ 21 - Kp.4 | Bán nước giải khát | Kp.1 - Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1156 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh | 19-1-1985 | 271708063 | TỔ 21 - Kp.4 | Phụ bán shop quần áo | Tân Uyên - Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1157 | Nguyễn Thị Luyện | 2/7/1975 | 164134718 | TỔ 21 - Kp.4 | Bán chà giò | Chợ Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1158 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 5/1/1969 | 272879724 | TỔ 21 - Kp.4 | Giúp việc gia đình | Kp.1 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1159 | Ngô Anh Tuấn | 6/1/1980 | 187337142 | TỔ 21 - Kp.4 | Phụ hồ | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|-----------|--------------|------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1160 | Lê Thiêm Lịch | 12/8/1981 | 272259643 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | TỔ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1161 | Lê Thị Anh | 23-3-1981 | 272740457 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau | TỔ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1162 | Tổng Sơn Nam | 17-3-1999 | 272709595 | TỔ 11 - KP.4 | Sửa chữa điện cơ | Hồ Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1163 | Lê Vạn Đức | 2/11/1977 | 272535210 | TỔ 11 - KP.4 | Lái xe chở hàng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1164 | Nguyễn Thị Thái Hiền | 6/1/1983 | 271513484 | TỔ 11 - KP.4 | Làm đẹp | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1165 | Nguyễn Văn Thụ | 09/06/1980 | 276051442 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1166 | Lê Thị Ngần | 21-11-1980 | 272239140 | TỔ 21 - KP.4 | Bán xôi | Chợ Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1167 | Đặng Quốc Mạnh | 8/7/1961 | 271802722 | TỔ 21 - KP.4 | Phụ bán cá | Kp.1 - Tân Hiệp | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1168 | Nguyễn Thị Phụng | 1961 | 270154144 | TỔ 21 - KP.4 | Bán quán cơm | TỔ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1169 | Bùi Quốc Việt | 11/6/1976 | 272993670 | TỔ 21 - KP.4 | Tài xế xe tải | Kp.4c - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1170 | Nguyễn Văn Phước | 27-7-1972 | 270971634 | TỔ 21 - KP.4 | Phụ hồ | TỔ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1171 | Phạm Thị Nhẫn | 20-3-1979 | 272834601 | TỔ 21 - KP.4 | Thợ may gia đình | TỔ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-------------------|------------|--------------|--------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1172 | Phạm Thị Miên | 16-2-1953 | 150704959 | TỔ 21 - KP.4 | Giúp việc gia đình theo giờ | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1173 | Trần Bá Tước | 8/4/1948 | 271960664 | TỔ 21 - KP.4 | Bán vé số | Tổ 21 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1174 | Lê Đức Anh | 15-5-2000 | 272748024 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ phụ cơ khí | Kp.4c - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1175 | Lê Trung Bằng | 22-7-1979 | 271388234 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ cơ khí | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1176 | Lê Xuân Sơn | 24-8-1989 | 272681076 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ sửa điện lạnh | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1177 | Chung Vinh Khang | 14-9-1978 | 272178179 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1178 | Nguyễn Thanh Tùng | 19-11-1990 | 261772532 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ sửa chữa điện | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1179 | Phạm Thị Minh Anh | 15-7-1997 | 033197002876 | TỔ 13 - KP.4 | Phục vụ quán | Phúc Tea - Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1180 | Nguyễn Văn Quân | 10/1/1975 | 172347015 | TỔ 13 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Ba Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1181 | Vũ Thị Chung | 1/1/1956 | 272937584 | TỔ 13 - KP.4 | Bán rau | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1182 | Lương Sỹ Hải | 4/4/1968 | 272388922 | TỔ 13 - KP.4 | Phụ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1183 | Đỗ Văn Nhuận | 1/1/1971 | 272557971 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-----------------------|------------|-----------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1184 | Lý Thị Mỹ Hạnh | 27-3-1973 | 272651805 | TỔ 13 - KP.4 | Bán bún đậu | Quán Long Xuyên - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1185 | Nguyễn Triệu Hiền | 14-11-1964 | 270394912 | TỔ 13 - KP.4 | Phụ xe | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1186 | Nguyễn Thị Chín | 20-6-1973 | 271063897 | TỔ 13 - KP.4 | Bán quần áo | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1187 | Ngô Quốc Trung | 14-1-1973 | 271468102 | TỔ 13 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1188 | Ngô Thị Thanh Hằng | 6/1/1998 | 272779359 | TỔ 13 - KP.4 | Phục vụ quán cà phê | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1189 | Nguyễn Thị Minh Huyền | 1/6/1975 | 220892596 | TỔ 13 - KP.4 | Bán tất, khẩu trang, quần áo lót đạo | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1190 | Hoàng Văn Phong | 6/10/1959 | 272238898 | TỔ 13 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1191 | Hoàng Kim Tuy | 14-7-1986 | 272662933 | TỔ 13 - KP.4 | Phụ hồ | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1192 | Trịnh Quang Đăng | 1/1/1974 | 272437281 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ xây | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1193 | Nguyễn Văn Lộc | 11/3/1963 | 272357374 | TỔ 13 - KP.4 | Xây dựng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1194 | Hoàng Thị Huệ | 16-4-1976 | 272428697 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1195 | Nguyễn Tiến Tâm | 5/6/1976 | 272546299 | TỔ 13 - KP.4 | Thợ xây | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|-----------|--------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1196 | Trần Đăng Dung | 9/9/1970 | 272327158 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ cơ khí | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1197 | Nguyễn Anh Hai | 5/6/1986 | 272327711 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ hồ | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1198 | Lê Thị Lan Anh | 16-6-1989 | 272760244 | TỔ 13 - Kp.4 | Bán trái cây | Chợ Thanh Hóa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1199 | Vũ Văn Bôn | 10/3/1971 | 272203301 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ xây | Kp.4 - Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1200 | Thân Văn Bình | 8/1/1971 | 272681208 | TỔ 13 - Kp.4 | Phụ xe | Kp.4 - Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1201 | Lê Duy Chung | 2/8/1977 | 272501406 | TỔ 13 - Kp.4 | Xe ôm | Công Trường Đại Học Công Nghệ | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1202 | Nguyễn Thị Hào | 20-1-1968 | 272387986 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ may | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1203 | Đinh Thị Thanh Huyền | 28-10-1977 | 271197859 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ may | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1204 | Nguyễn Thành Trung | 29-11-1999 | 272896351 | TỔ 13 - Kp.4 | Phụ xe | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1205 | Nguyễn Hữu Đường | 11/11/1972 | 272268177 | TỔ 13 - Kp.4 | Thợ hồ | Tổ 13 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1206 | Lê Thị Mùi | 20-6-1966 | 171376774 | TỔ 13 - Kp.4 | Bán rau | Chợ Tràng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1207 | Nguyễn Thị Đào | 1963 | 162349884 | TỔ 11 - Kp.4 | Giúp việc gia đình | Tràng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|--------------------|------------|--------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1208 | Phạm Bích Liễu | 2/10/1987 | 381303180 | TỔ 11 - KP.4 | Giúp việc gia đình | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1209 | Phạm Trường Sơn | 16-11-1985 | 272875859 | TỔ 11 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1210 | Trần Thanh Hòa | 12/2/1982 | 272619691 | TỔ 11 - KP.4 | Xe ôm | Ngã Tư Nguyễn Khuyến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1211 | Lê Thị Kim Oanh | 18-11-2001 | 044301001973 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ may gia đình | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1212 | Lương Văn Tâm | 28-4-1991 | 271970044 | TỔ 11 - KP.4 | Bán dép | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1213 | Lê Thị Xuân | 15-7-1995 | 044195002412 | TỔ 11 - KP.4 | Bán rau | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1214 | Nguyễn Thanh Phong | 12/1/1970 | 079070007478 | TỔ 11 - KP.4 | Phụ xe | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1215 | Lương Hữu Thanh | 10/3/1977 | 272184374 | TỔ 11 - KP.4 | Lái xe chở hàng | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1216 | Hoàng Văn Tuấn Anh | 5/2/2001 | 03620109728 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ sửa điện lạnh | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1217 | Hoàng Văn Đức | 2/11/2002 | 036202009826 | TỔ 11 - KP.4 | Thợ sửa điện lạnh | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1218 | Nguyễn Thị Chi | 3/9/1964 | 034164004837 | TỔ 11 - KP.4 | Giúp việc gia đình | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1219 | Hoàng Trung Đoàn | 5/1/1960 | 162031347 | TỔ 11 - KP.4 | Bán trái cây | Kp.3 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|---------------------|------------|-----------|--------------|---------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1220 | Phạm Trung Kiên | 6/3/1987 | 163041299 | TỔ 11 - KP.4 | Bán trái cây | Tổ 11 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1221 | Lâm Phước Lợi | 22-8-1986 | 271645543 | TỔ 17 - KP.4 | Giao hàng | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1222 | Nguyễn Thị Thu Ngân | 30-8-1975 | 271255040 | TỔ 17 - KP.4 | Làm tóc | Tổ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1223 | Tạ Chí Thanh | 9/10/1987 | 311932317 | TỔ 17 - KP.4 | Sửa chữa cơ khí | Kp.4b - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1224 | Lê Quang Hai | 3/7/1996 | 272414248 | TỔ 17 - KP.4 | Giao hàng | | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1225 | Trần Thị Ngọc Huyền | 15-5-1980 | 271347595 | TỔ 17 - KP.4 | Sửa quần áo | Tổ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1226 | Ngô Thị Sòa | 20-4-1991 | 272546506 | TỔ 17 - KP.4 | Bán được liệu | Kp.4b - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1227 | Thái Hoài Thanh | 1/1/1988 | 311976217 | TỔ 17 - KP.4 | Bốc vác | Ken Amia | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1228 | Hồ Thị Kim Chi | 16-11-1983 | 271601492 | TỔ 17 - KP.4 | Làm cho vừa ve chai | Tổ 18 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1229 | Trương Văn Sáng | 8/3/1980 | 272715706 | TỔ 17 - KP.4 | Lái xe | Tư Nhân | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1230 | Huỳnh Kim Định | 18-5-1992 | 215234600 | TỔ 17 - KP.4 | Vận chuyển hàng hóa | Hố Nai 3 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1231 | Phạm Ngọc Quang | 28-6-1995 | 272584874 | TỔ 17 - KP.4 | Sửa chữa điện cơ | Tổ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-----------------------|-----------|-----------|--------------|------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1232 | Phan Thị Nhiều | 2/2/1978 | 272763304 | TỔ 17 - KP.4 | Máy gia đình | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1233 | Nguyễn Xuân Cường | 25-4-1979 | 271347866 | TỔ 17 - KP.4 | Tài xế xe tải | Thống Nhất - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1234 | Nguyễn Hoàng Thắng | 26-3-1988 | 024117603 | TỔ 17 - KP.4 | Thợ sửa xe | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1235 | Trương Thị Lý | 20-6-1958 | 272311670 | TỔ 17 - KP.4 | Phó tổ | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1236 | Vòng Mỹ Kim | 16-3-1991 | 272004427 | TỔ 17 - KP.4 | Phó tổ | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1237 | Đặng Thất | 20-8-1967 | 270863126 | TỔ 17 - KP.4 | Sửa chữa điện tử | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1238 | Đinh Quốc Tuấn | 19-8-1985 | 271679297 | TỔ 17 - KP.4 | Tài xế xe tải | Kp.5 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1239 | Nguyễn Thị Anh Thơ | 5/8/1989 | 271902620 | TỔ 17 - KP.4 | Bán đồ ăn sáng | Kp.4a - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1240 | Ngô Thị Nhân | 1/6/1958 | 270684064 | TỔ 17 - KP.4 | Bán cà phê | TỔ 19 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1241 | Nguyễn Thị Quỳnh Loan | 8/8/1989 | 271901442 | TỔ 17 - KP.4 | Bán hàng online | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1242 | Lê Kim Chi | 5/8/1992 | 272170342 | TỔ 17 - KP.4 | Bán đồ gia dụng | TỔ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1243 | Võ Văn Sơn | 15-2-1986 | 186433348 | TỔ 17 - KP.4 | Phụ xe | Không Cố Định | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |



| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|-----------------------|------------|--------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| 1244 | Lê Thị Hồng Lân | 8/12/1958 | 272304910 | TỔ 17 - KP.4 | Giữ trẻ | Tổ 17 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1245 | Nguyễn Thị Hạnh | 20-11-1956 | 170615675 | TỔ 2 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1246 | Chu Văn Thao | 8/10/1991 | 272780245 | TỔ 2 - KP.4 | Phụ làm thạch cao | Long Hưng - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1247 | Dương Thị Sinh | 5/3/1993 | 272780834 | TỔ 2 - KP.4 | Phụ làm thạch cao | Long Hưng - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1248 | Nguyễn Sỹ Tài | 7/4/1987 | 183528989 | TỔ 2 - KP.4 | Thợ sửa chữa điện | Tổ 2 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1249 | Trần Thị Luyến | 8/6/1993 | 272529950 | TỔ 2 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 2 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1250 | Nguyễn Thị Ngọc Phụng | 10/10/1981 | 271410764 | TỔ 2 - KP.4 | Bản trả sữa | Kp.2 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1251 | Phạm Văn Tình | 16-3-1981 | 272763632 | TỔ 2 - KP.4 | Bản nước giải khát | Kp.4c - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1252 | Vì Văn Dũng | 1/1/1974 | 171694327 | TỔ 2 - KP.4 | Bốc vác | Hố Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1253 | Ngô Thị The | 1/12/1989 | 272965214 | TỔ 2 - KP.4 | Làm mail | Tổ 2 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1254 | Lê Văn Duy | 3/4/1981 | 036081000436 | TỔ 2 - KP.4 | Thu gom phế liệu | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1255 | Đinh Thị Dung | 29-5-1978 | 272646357 | TỔ 2 - KP.4 | Thu mua ve chai | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | CMND | Địa chỉ | Công việc | Địa điểm làm việc | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên |
|------|----------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|
| 1256 | Nghiêm Thị Vy | 5/9/2001 | 272857654 | TỔ 2 - KP.4 | Thu mua ve chai | Kp.4 - Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1257 | Vũ Thị Thân | 1980 | 272869353 | TỔ 2 - KP.4 | Bán quần áo | Hố Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1258 | Trần Văn Tuấn | 2/9/1963 | 180931029 | TỔ 2 - KP.4 | Phụ hồ | Tân Biên - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1259 | Nguyễn Xuân Quý | 1/8/1971 | 271694946 | TỔ 2 - KP.4 | Lái xe chở hàng | Biên Hòa - Đồng Nai | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1260 | Vũ Đình Ninh | 19-2-1987 | 036087004235 | TỔ 2 - KP.4 | Bán vé số | Trảng Dài - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1261 | Nguyễn Ngọc Định | 15-7-1982 | 366413353 | TỔ 2 - KP.4 | Thợ hồ | Trảng Bom | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1262 | Lê Xuân Hưng | 5/7/1991 | 272094724 | TỔ 2 - KP.4 | Sửa chữa điện lạnh | Tổ 2 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1263 | Lê Văn Phúc | 2/2/1974 | 272641831 | TỔ 2 - KP.4 | Lái xe chở đá ko hdlđ | Cảng Thiện Tân - Vĩnh Cửu | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1264 | Mã Văn Thanh | 19-9-1979 | 079079007511 | TỔ 2 - KP.4 | Làm hồ | Thống Nhất - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1265 | Nguyễn Huỳnh Hữu Trí | 14-10-1990 | 272097206 | TỔ 2 - KP.4 | Lái xe | Long Bình Tân - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1266 | Đào Đức Dương | 2/5/1974 | 024907894 | TỔ 2 - KP.4 | Thợ hồ | Hố Nai - Biên Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |
| 1267 | Nguyễn Thị Thơ | 5/5/1983 | 276008751 | TỔ 2 - KP.4 | Thợ may gia đình | Tổ 2 - Kp.4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 | |